

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội ("HABECO")
- Mã chứng khoán/Mã thành viên: BHN
- Địa chỉ: Số 183 phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 02438453843 Fax: 02437223784
- E-mail: habeco@habeco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2022 của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/4/2023 tại đường dẫn <http://www.habeco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Trường Thắng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2022

HÀ NỘI, THÁNG 4 NĂM 2023

HABECO 
Sức bật Việt Nam



MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	7
1. Thông tin khái quát	8
2. Quá trình hình thành và phát triển:	12
3. Ngành, nghề và địa bàn kinh doanh	16
3. Mô hình tổ chức	20
4. Định hướng phát triển	30
5. Các rủi ro	33
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	37
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	38
2. Tổ chức và nhân sự	41
3. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	45
4. Các công ty con và công ty liên kết, liên doanh:	47
5. Tình hình tài chính	49
6. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	50
7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	51
PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	53
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	54
2. Tình hình tài chính	62
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	64
4. Kế hoạch phát triển năm 2023	64
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty	69
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	71
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng công ty	71
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty	73
3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT	74
PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY	77
1. Hội đồng quản trị	79
2. Ban kiểm soát	84
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	88
PHẦN VI: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	91
1. Tác động lên môi trường - phát thải khí nhà kính	92
2. Về quản lý nguồn nguyên vật liệu	92
3. Tiêu thụ nước	92
4. Tiêu thụ năng lượng	93
5. Việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	93
6. Chính sách liên quan đến người lao động	94
7. Trách nhiệm với cộng đồng địa phương	97
PHẦN VII: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022	98

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên HABECO!



Trong năm 2022, chiến tranh Nga - Ukraine diễn biến phức tạp dẫn đến khủng hoảng năng lượng, lạm phát tăng cao trên toàn cầu đã đẩy giá nguyên vật liệu tăng cao, đặc biệt là đối với những nguyên liệu nhập khẩu. Những yếu tố này đã làm cho giá thành sản xuất tăng, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Khi tình hình dịch bệnh đã bắt đầu được kiểm soát, hoạt động kinh tế - xã hội trong nước dần trở lại bình thường, các doanh nghiệp, trong đó có HABECO, bắt đầu khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên thu nhập của người tiêu dùng giảm sau dịch bệnh đã ảnh hưởng lớn đến sức mua những sản phẩm không thiết yếu như bia, rượu, nước giải khát. Vì vậy, mặc dù đã có những thuận lợi nhất định trong quá trình kinh doanh nhưng để đạt được mức sản lượng tiêu thụ như những năm trước dịch, đặc biệt trong điều kiện cạnh tranh giữa các hãng bia ngày càng khốc liệt, là rất khó khăn đối với HABECO.

Trước những khó khăn nêu trên, tập thể cán bộ công nhân viên HABECO đã phát huy tinh thần đoàn kết, đồng lòng, tinh thần trách nhiệm cao và sự sáng tạo, quyết tâm trên mọi lĩnh vực hoạt động. Ban lãnh đạo HABECO đã và đang đưa ra những quyết sách phù hợp, linh hoạt, bằng mọi cách tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cùng với đó, HABECO đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Công Thương và các bộ, ban, ngành, sự đồng hành hỗ trợ của các quý cổ đông, đối tác, hiệp hội, các khách hàng nhà phân phối, các cơ quan

thông tấn báo chí... Kết thúc năm tài chính 2022, HABECO đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận ở cả hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính của Công ty mẹ đạt hơn 6.938 tỷ đồng, tăng 5% so với kế hoạch và tăng 21% so với cùng kỳ. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt hơn 517 tỷ đồng, tăng 88 % so với kế hoạch và tăng 37% so với cùng kỳ.

Là một doanh nghiệp bia nội hàng đầu tại Việt Nam, HABECO luôn nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong công tác an sinh xã hội, đặc biệt là các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, góp phần cùng với các ngành, các cấp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình chính sách, người có công bằng nhiều sự quan tâm, hỗ trợ thiết thực.

HABECO tự hào khi nhìn lại năm 2022 với kết quả sản xuất kinh doanh có sự phục hồi mạnh mẽ sau 2 năm chịu tác động của đại dịch Covid 19. Ghi nhận những nỗ lực của HABECO, Hội đồng Thương hiệu Quốc gia đã công nhận HABECO là Thương hiệu Quốc gia Việt Nam 2022 và đây là lần thứ 6 liên tiếp, HABECO vinh dự được vinh danh nhận giải thưởng cao quý này.

Tiếp nối thành công của năm 2022, HABECO xác định chiến lược trọng tâm của doanh nghiệp trong năm 2023 là:

(1) Tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu của HABECO tại thị trường phía Bắc, đặc biệt tại phân khúc bia phổ thông, phát triển và mở rộng thị trường tại Miền Trung và Miền Nam.

(2) Nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ. Tiếp tục gia tăng giá trị thương hiệu thông qua việc nâng cao chất lượng truyền thông thương hiệu, gia tăng tần suất, độ phủ quảng cáo trên các kênh truyền thống và hiện đại.

(3) Cam kết hướng đến cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp mang thương hiệu quốc gia, đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đất nước.

Thay mặt Ban lãnh đạo HABECO, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và tập thể cán bộ nhân viên người lao động đã luôn tin tưởng và gắn bó với HABECO trong suốt thời gian qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Đình Thanh



KIỆT TÁC CHINH PHỤC ĐỈNH CAO



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH, NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ
BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP

Tên Công ty/ Tên giao dịch	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Tên Tiếng Anh	Hanoi Beer Alcohol and Beverage Joint stock Corporation
Tên viết tắt	HABECO
Mã chứng khoán	BHN (niêm yết tại Sở GDCK TP.HCM - HOSE)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0103025268 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 06 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 theo số 0101376672 ngày 07 tháng 09 năm 2020
Vốn điều lệ	2.318.000.000.000 đồng (Hai nghìn ba trăm mười tám tỷ đồng)
Địa chỉ	Số 183, phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội
Số điện thoại	024.3845.3843
Số fax	024.3722.3784
Website	www.habeco.com.vn
Người đại diện	Ông Trần Đình Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông Ngô Quế Lâm - Tổng Giám đốc



NÂNG TẦM VỊ THẾ

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TRUYỀN THỐNG - ĐOÀN KẾT - SÁNG TẠO

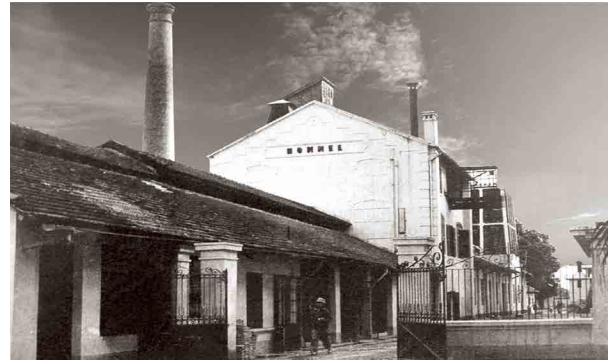
TẦM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất bia hàng đầu Việt Nam, đại diện cho niềm tự hào dân tộc, sức bật Việt Nam vươn tầm khu vực và thế giới.

SỨ MỆNH

Gìn giữ tinh hoa, nâng tầm vị thế những giá trị truyền thống, nét tinh hoa văn hoá dùng Bia của người Việt. Hành động có trách nhiệm đối với cộng đồng - xã hội, truyền cảm hứng vươn tầm cho người Việt Nam.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1890

Tiền thân của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội là Nhà máy bia Hommel được người Pháp xây dựng từ năm 1890, là khởi đầu cho một dòng chảy nhỏ bé cùng song hành với những thăng trầm của Thăng Long – Hà Nội



1958

Ngày 15/8/1958, trong không khí cả nước sôi sục chào mừng kỉ niệm 13 năm Cách mạng Tháng Tám thành công, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, bốn năm Thủ đô hoàn toàn giải phóng, chai bia Việt Nam đầu tiên mang nhãn hiệu Trúc Bạch ra đời trong niềm vui xúc động lớn lao của cán bộ công nhân viên Nhà máy.



2010

Hoàn thành dự án đầu tư xây dựng Nhà máy bia công suất 200 triệu lít/năm tại Mê Linh, Hà Nội, với hệ thống thiết bị đồng bộ hiện đại bậc nhất Đông Nam Á đã đưa Tổng Công ty đạt công suất 400 triệu lít bia/năm. HABECO trở thành một trong hai Tổng Công ty sản xuất bia lớn nhất của Việt Nam. Cùng trong năm 2010, sản phẩm Bia Trúc Bạch được khôi phục



2013

HABECO đầu tư dây chuyền chiết nước tinh lọc, cũng là năm đánh dấu mốc 55 năm khôi phục, xây dựng và phát triển.



2018

Đấu mốc 60 năm khôi phục, xây dựng và phát triển, HABECO ra mắt nhận diện mới cho sản phẩm Bia Trúc Bạch.



2019

Tháng 5/2019, HABECO chính thức ra mắt nhận diện mới thương hiệu với Slogan “Sức bật Việt Nam”



2003

Ngày 6/5/2003, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) có Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN thành lập Tổng Công ty Bia – Rượu - Nước giải khát Hà Nội (viết tắt là HABECO)



2008

Từ ngày 16/6/2008, Tổng Công ty chính thức chuyển đổi mô hình tổ chức từ một Tổng Công ty Nhà nước sang Tổng Công ty cổ phần. Đây là bước ngoặt quan trọng để Bia Hà Nội khẳng định vị thế của mình trong giai đoạn hội nhập



2014

HABECO khởi công dự án dây chuyền chiết lon 60,000lon/giờ tại Nhà máy Bia Hà Nội – Mê Linh, được hoàn thành vào đầu năm và chính thức đi vào hoạt động vào năm 2016. Đầu tư xây dựng hệ thống Pilot Plant phục vụ công tác nghiên cứu sản phẩm mới được khôi phục



2017

Ngày 19/01/2017, HABECO đã chính thức đưa 231,8 triệu cổ phiếu (mã BHN) niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)



2020

Tháng 7/2020, sản phẩm Bia Hà Nội 1890 được ra đời, là mốc son đánh dấu 130 năm kế thừa tinh hoa lịch sử của Bia Hà Nội



2022

HABECO đã được vinh danh là doanh nghiệp có thương hiệu sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia 2022 với hai thương hiệu Bia Hà Nội và Bia Trúc Bạch. Đây là lần thứ 6 liên tiếp, HABECO được vinh danh là Thương hiệu quốc gia.

THÀNH TỰU, CHỨNG NHẬN

HABECO được vinh danh giải thưởng Thương hiệu Quốc gia năm 2022

Thương hiệu quốc gia Việt Nam là chương trình xúc tiến thương mại đặc thù của Chính phủ nhằm xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia thông qua thương hiệu sản phẩm. Qua gần 19 năm hình thành và phát triển, chương trình đã tôn vinh các thương hiệu sản phẩm, doanh nghiệp tiêu biểu đại diện cho Thương hiệu quốc gia Việt Nam, mang những thương hiệu sản phẩm uy tín đến với người tiêu dùng trong và ngoài nước, góp phần khẳng định Việt Nam là quốc gia có hàng hóa, dịch vụ chất lượng và có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế.

Với ba giá trị cốt lõi “Chất lượng - Đổi mới sáng tạo - Năng lực tiên phong”, HABECO vinh dự đạt giải thưởng Thương hiệu Quốc gia 2022 với hai thương hiệu sản phẩm tiêu biểu là Bia Hà Nội và Bia Trúc Bạch. Trải qua hơn 132 năm xây dựng và phát triển, dưới bàn tay tinh hoa của những nghệ nhân nấu bia, cùng tinh thần luôn đổi mới sáng tạo trong từng sản phẩm, HABECO đã có những bước tiến vượt bậc, trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong sản xuất bia tại Việt Nam và là biểu tượng cho một thương hiệu mang tinh thần “Sức bật Việt Nam”.



Top 25 thương hiệu F&B dẫn đầu của Forbes Việt Nam



(HABECO) vừa được tạp chí hàng đầu về lĩnh vực kinh doanh - Forbes Việt Nam bình chọn trong top 25 Thương hiệu F&B dẫn đầu năm 2022. Đây là giải thưởng được tạp chí Forbes Việt Nam tổ chức thường niên nhằm vinh danh 25 doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực F&B với giá trị thương hiệu mạnh và có độ nhận biết cao đối với người tiêu dùng. Danh hiệu này đã tiếp tục khẳng định uy tín, thương hiệu và sự ghi nhận của xã hội về những đóng góp của HABECO vào sự phát triển chung của đất nước. HABECO khẳng định vị thế dẫn đầu của một doanh nghiệp bia nội hàng đầu với sự uy tín về chất lượng và giá trị thương hiệu HABECO trong từng sản phẩm cung ứng cho thị trường.



Top 10 Thương hiệu mạnh Ngành Nông nghiệp, Thực phẩm 2022

Với chủ đề trọng tâm là “Kiến tạo và phát triển thương hiệu Việt Nam xanh”, chương trình Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2022 đánh giá và bình chọn dựa trên các hạng mục cơ bản gồm: Kết quả kinh doanh; Công tác xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu; Văn hóa và trách nhiệm của doanh nghiệp; Công tác phát triển doanh nghiệp xanh và bền vững; Công tác chuyển đổi số. Cùng với đó là phát triển mô hình sản xuất, kinh doanh chia sẻ, nhân văn và bao trùm; bảo vệ thương hiệu và chú trọng phát huy chính sách hướng tới người lao động và cộng đồng; các chỉ số phục hồi tăng trưởng của doanh nghiệp sau tác động nghiêm trọng của đại dịch COVID-19. Thông qua hoạt động khảo sát trên hệ thống báo chí, truyền thông của Vietnam Economic Times, HABECO đã được Hội đồng bình chọn và bạn đọc tin nhiệm bình chọn danh hiệu TOP 10 Thương hiệu mạnh Ngành Nông nghiệp, Thực phẩm 2022. Là một trong các doanh nghiệp hàng đầu của ngành Đồ uống Việt Nam với bề dày lịch sử hơn 130 năm, những dòng sản phẩm nổi tiếng làm nên thương hiệu HABECO như Bia Trúc Bạch, Bia Hanoi Bold & Light, Hanoi Beer Premium, Bia Hà Nội, Bia hơi Hà Nội... đã nhận được sự tin yêu của người tiêu dùng về cả chất lượng và phong cách, chinh phục những người sành bia trong và ngoài nước trong suốt nhiều thập kỷ.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

**SẢN XUẤT BIA
VÀ MẠCH NHA Ủ MEN BIA**

**SẢN XUẤT ĐỒ UỐNG KHÔNG
CỒN, NƯỚC KHOÁNG**

**CHƯNG, TINH CẤT VÀ PHA CHẾ
CÁC LOẠI RƯỢU MẠNH**

ĐỊA BÀN KINH DOANH

THỊ TRƯỜNG KINH DOANH CỦA HABECO TRẢI DÀI KHẮP CẢ NƯỚC

Thị trường kinh doanh của HABECO được trải khắp cả nước trong đó thị trường chủ yếu từ Quảng Trị trở ra Miền Bắc. Với hệ thống nhà phân phối thông qua 04 công ty thương mại, HABECO hiện đang giữ vị trí thứ 03 về thị phần tại Việt Nam và số 1 tại thị trường bia Miền Bắc

Là một doanh nghiệp bia nội hàng đầu tại Việt Nam, HABECO đặt mục tiêu sẽ phát triển thương hiệu mang tính quốc gia, sản phẩm được biết đến rộng rãi trên toàn quốc. Bên cạnh việc tập trung giữ thị phần tại các thị trường truyền thống Phía Bắc, HABECO đang từng bước xây dựng nền tảng để phát triển tại thị trường Miền Nam với hệ thống nhà phân phối tại TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương, Lâm Đồng và các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ...

Hiện HABECO đã xuất khẩu, phân phối chủ yếu tại thị trường Châu Âu (Pháp, Anh, Áo, Czech), Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Úc.... thông qua hệ thống siêu thị và các nhà hàng Việt Nam. Sản phẩm xuất khẩu chủ đạo của HABECO là Bia chai Hà Nội Premium 330ml và Bia lon Hà Nội. Với lợi thế là sản phẩm mang tên gọi Hà Nội - thủ đô của Việt Nam, các sản phẩm của HABECO dễ đi vào các nhà hàng Việt Nam tại nước ngoài. Vì vậy, trong thời gian tới, HABECO có chiến lược tập trung phát triển xuất khẩu tại các thị trường truyền thống cũng như tại các quốc gia có nhiều người Việt Nam để từng bước lan tỏa thương hiệu bia Việt Nam ra thế giới.

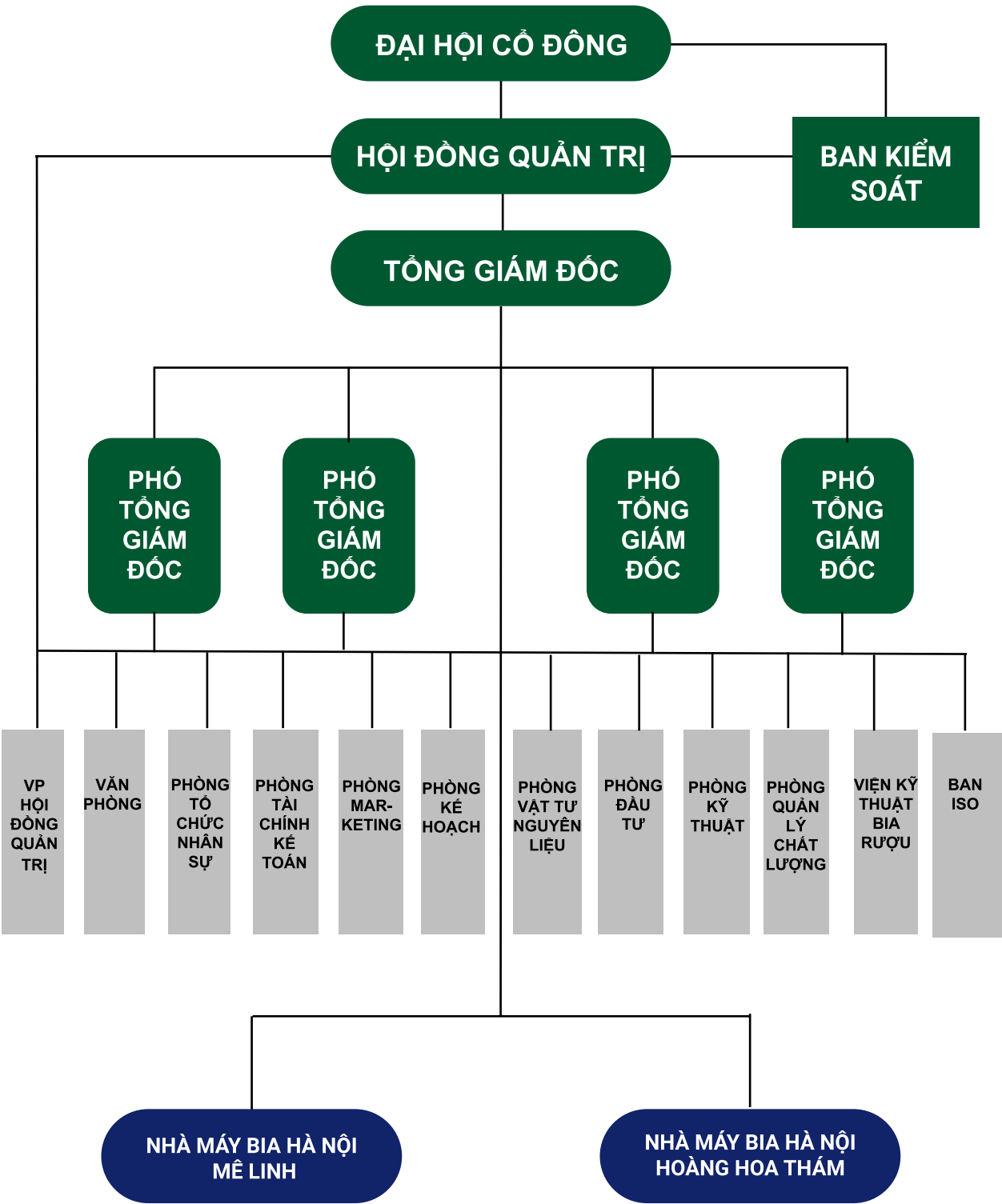




KIỆT TÁC BIA IPA Craft Beer

LIMITED EDITION

MÔ HÌNH TỔ CHỨC



CÔNG TY CON

1. CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI HABECO
2. CTCP BIA HÀ NỘI - HẢI DƯƠNG
3. CTCP BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG
4. CTCP BIA HÀ NỘI - NAM ĐỊNH
5. CTCP BIA HÀ NỘI - THÁI BÌNH
6. CTCP BIA HÀ NỘI - THANH HÓA
7. CTCP BIA HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH
8. CTCP BAO BÌ BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT
9. CTCP RƯỢU VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
10. CTCP THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI
11. CTCP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI QUẢNG NINH
12. CTCP ĐTPT CÔNG NGHỆ BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
13. CTCP BIA HÀ NỘI - NGHỆ AN
14. CTCP BIA HÀ NỘI - QUẢNG TRỊ
15. CTCP HABECO - HẢI PHÒNG
16. CTCP BIA HÀ NỘI - HỒNG HÀ

CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

1. CTCP BIA HÀ NỘI - KIM BÀI
2. CTCP VẬN TẢI HABECO
3. CTCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HABECO
4. CTCP HAREC ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI
5. CÔNG TY TNHH THỦY TINH SAMIGUEL YAMAMURA HẢI PHÒNG
6. CTCP BAO BÌ HABECO

THÀNH VIÊN HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG TRẦN ĐÌNH THANH
CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh : 1969

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ hoá học;
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Số cổ phần đại diện: 85.279.220 cổ phần.
Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.900 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO.
- Chủ tịch HĐQT CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh.
- Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.



ÔNG NGÔ QUẾ LÂM
TV HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Luật; Kỹ sư chế tạo máy.

Số cổ phần đại diện: 57.950.000 cổ phần.
Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không.



ÔNG VŨ XUÂN DŨNG
TV HĐQT, P. TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Sinh học;
Cử nhân kế toán.

Số cổ phần đại diện: 23.180.000 cổ phần.
Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- Phó chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng.
- Thành viên HĐQT CTCP Harec Đầu tư và Thương mại.



ÔNG TRẦN THUẬN AN
TV HĐQT, P. TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng cơ bản.

Số cổ phần đại diện: 23.180.000 cổ phần,
Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không.



ÔNG BÙI HỮU QUANG
THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh : 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Thương mại, chuyên ngành Tài chính - Kế toán.

Số cổ phần đại diện: 40.198.200 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Giám đốc chiến lược Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam.



BÀ QUẢN LÊ HÀ
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Năm sinh : 1967

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ ngành công nghệ lên men.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không.



BÀ PHẠM THU THỦY
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán; Cử nhân Tiếng Anh.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 50 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không.



ÔNG BÙI TRƯỜNG THẮNG
P. TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1967

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế vật tư

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hóa
- Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Nghệ An
- Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Quảng Bình
- Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Quảng Trị



ÔNG PHẠM TRUNG KIÊN
P. TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1970

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD; Kỹ sư công nghệ thực phẩm.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Kim Bài.
- Chủ tịch HĐQT CTCP Rượu và Nước giải khát Hà Nội.
- Thành viên HĐQT CTCP Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89.
- Thành viên HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Thái Bình.

BAN KIỂM SOÁT



BÀ CHỦ THỊ THU TRANG
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán;
Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần. Số cổ
phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không.



BÀ THIỀU HỒNG NHUNG
KIỂM SOÁT VIÊN

Năm sinh : 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế;
Thành viên hiệp hội kiểm toán công
chứng Anh.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần. Số cổ
phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Giám đốc tài chính Công ty TNHH
Thương mại Carlsberg Việt Nam.



ÔNG TRẦN MINH TUẤN
KIỂM SOÁT VIÊN

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị;
Cử nhân Tài chính - Tín dụng.

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần. Số cổ
phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT CTCP Thương mại
Bia Hà Nội.
- Thành viên HĐQT CTCP Bia Hà Nội -
Nam Định.



CÁC CÔNG TY CON

	Công ty	Địa chỉ		Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ đã góp (VĐL)	Tỷ lệ sở hữu của HABECO
1	CTTNHH MTV TM HABECO	Số 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội		Thương mại bia	50.000.000.000	100,00%
2	CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương	Phố Quán Thánh, Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương		Sản xuất bia	40.000.000.000	55,00%
3	CTCP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Số 16 đường Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng		Sản xuất bia	91.792.900.000	65,01%
4	CTCP Bia Hà Nội - Nam Định	Số 5 Đường Thái Bình, Thành phố Nam Định		Sản xuất bia	20.000.000.000	51,00%
5	CTCP Bia Hà Nội - Thái Bình	Lô CN1, khu công nghiệp TBS - Sông Trà, Xã Tân Bình, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình		Sản xuất bia	76.912.260.000	66,31%
6	CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hoá	152 Quang Trung, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa		Sản xuất bia	114.245.700.000	55,00%
7	CTCP Bia Hà Nội - Quảng Bình	TDP 13 ,Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình		Sản xuất bia	58.000.000.000	62,05%
8	CTCP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	38 Đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng		Sản xuất nắp chai	20.000.000.000	69,78%
9	CTCP Rượu và Nước giải khát Hà Nội	94 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội		Sản xuất rượu	200.000.000.000	54,29%
10	CTCP TM Bia Hà Nội	183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội		Thương mại bia	31.230.000.000	60,00%
11	CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội Quảng Ninh	Lô 20 KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh		Thương mại bia	15.000.000.000	52,64%
12	CTCP ĐTP Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Đường 206, KCN Phố Nối A, Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên		Sản xuất bia	200.000.000.000	96,10%
13	CTCP Bia Hà Nội - Nghệ An	Khu B, Khu CN Nam Cẩm, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An		Sản xuất bia	180.000.000.000	51,00%
14	CTCP Bia Hà Nội - Quảng Trị	158 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị		Sản xuất bia	110.000.000.000	98,56%
15	CTCP Habeco - Hải Phòng	Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng		Sản xuất bia	160.000.000.000	75,83%
16	CTCP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Khu 1, Phường Vân Phú, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ		Sản xuất bia	100.000.000.000	53,89%

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT & LIÊN DOANH

	Công ty	Địa chỉ		Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ đã góp (VĐL)	Tỷ lệ sở hữu của HABECO
1	CTCP Bao Bì Habeco	Lô 2ha, Cụm CN Nhà máy bia Hà Nội - Mê Linh, Xã Tiền Phong, Huyện Mê Linh, Hà Nội.		Sản xuất bao bì	35.000.000.000	44,22%
2	CTCP Bia Hà Nội - Kim Bài	Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội		Sản xuất bia	39.860.000.000	28,00%
3	CTCP Vận tải Habeco	Số 1199, đường Giải Phóng, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội		Vận tải	25.000.000.000	28,00%
4	CTCP Harec Đầu tư và Thương mại	Số 4 phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội		Bất động sản	63.384.000.000	40,00%
5	CTTNHH Thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng	17A phố Ngô Quyền, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng		Sản xuất chai	160.772.505.787	27,21%
6	CTCP Đầu tư phát triển Habeco	4A Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội		Bất động sản	19.291.600.000	45,00%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu:

- Tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu của HABECO tại thị trường phía Bắc, đặc biệt tại phân khúc bia phổ thông, phát triển và mở rộng thị trường tại Miền Trung và Miền Nam.
- Nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ. Tiếp tục gia tăng giá trị thương hiệu thông qua việc nâng cao chất lượng truyền thông thương hiệu, gia tăng tần suất, độ phủ quảng cáo trên các kênh truyền thống và hiện đại..
- Cải tiến bao bì, mẫu mã sản phẩm phù hợp với thị hiếu và tăng tính cạnh tranh trên thị trường; tái định vị giá của các sản phẩm của HABECO.
- Truyền thông thương hiệu theo định hướng chiến lược mới lấy nền tảng digital làm trọng tâm; Triển khai các chương trình khuyến mại đối với người tiêu dùng phù hợp với bối cảnh mới.



Chiến lược phát triển:

- Chiến lược phát triển giai đoạn 2022-2026 của HABECO là tiếp tục tập trung phát triển thị trường, nâng cao sức cạnh tranh, mang đến cho khách hàng sự hài lòng về các sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ hoàn hảo.
- Tiếp tục phát triển thương hiệu, khai thác lợi thế: Thương Hiệu Quốc gia, mang đậm bản sắc người Việt cùng giá trị truyền thống, “Gìn Giữ Tinh Hoa Nâng Tầm Vị Thể”, “Một Nét Văn Hóa Hà Nội” của các thương hiệu tại phân khúc phổ thông của HABECO.
- Tập trung gia tăng giá trị thương hiệu thông qua việc nâng cao chất lượng truyền thông thương hiệu và gia tăng tần suất quảng cáo trên các kênh truyền thống và hiện đại.
- Đa dạng hoá sản phẩm, nghiên cứu các sản phẩm thân thiện với môi trường, sử dụng tài nguyên một cách tiết kiệm, hiệu quả, đóng góp vào tiến trình xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững với môi trường.
- Nghiên cứu phát triển dòng sản phẩm chất lượng cao (bia craft, bia lúa mì...); phát triển một số sản phẩm bia mới kết hợp hương vị hoa quả và nhẹ độ hướng tới giới trẻ; các sản phẩm giải khát có lợi cho sức khỏe...
- Kiện toàn và kiểm soát chặt chẽ hệ thống phân phối thông qua việc ứng dụng công nghệ và phần mềm. Tổ chức hiệu quả các hoạt động chăm sóc, hỗ trợ khách hàng, thu hút khách hàng tìm hiểu và sử dụng kênh phân phối mới của HABECO.
- Tăng cường công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền, quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành.
- Tiếp tục đầu tư theo chiều sâu, nâng cao chất lượng thiết bị công nghệ sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo, quản trị sử dụng năng lượng hiệu quả, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh chiến lược phát triển thương hiệu bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của thương hiệu tại thị trường trong nước và khu vực. Giới thiệu và xuất khẩu các sản phẩm của HABECO ra thế giới, tới các thị trường như Mỹ, Châu Âu, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc...
- Thực hiện các chiến lược về phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và xây dựng cơ cấu tổ chức vững mạnh để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu và vững mạnh trong ngành bia, rượu, nước giải khát tại Việt Nam và khu vực, mang đến cho khách hàng các sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm với chất lượng cao.

- Tăng cường công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền, quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành.
- Tiếp tục đầu tư theo chiều sâu, nâng cao chất lượng thiết bị công nghệ sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo, quản trị sử dụng năng lượng hiệu quả, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh chiến lược phát triển thương hiệu bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của thương hiệu tại thị trường trong nước và khu vực. Giới thiệu và xuất khẩu các sản phẩm của HABECO ra thế giới, tới các thị trường như Mỹ, Châu Âu, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc...
- Thực hiện các chiến lược về phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và xây dựng cơ cấu tổ chức vững mạnh để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu và vững mạnh trong ngành bia, rượu, nước giải khát tại Việt Nam và khu vực, mang đến cho khách hàng các sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm với chất lượng cao.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Trong suốt chặng đường phát triển, HABECO luôn theo sát định hướng phát triển bền vững. Điều này được thể hiện qua ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, hạn chế tối đa các nguồn ô nhiễm do quá trình sản xuất gây ra.
- Thực hiện kế hoạch đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, những năm qua HABECO đã tiến hành thay mới từ nhà nấu, lò hơi đến hệ thống xử lý nước, nuôi cấy men, lên men bằng tank tự động ngoài trời, hệ thống lọc, lạnh, xử lý nước thải...và cải tiến bằng công nghệ hiện đại.
- Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, HABECO luôn đề cao vai trò, trách nhiệm thực hiện an sinh xã hội của mình đối với cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp mang thương hiệu quốc gia, đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đất nước



CÁC RỦI RO

CHÍNH SÁCH

Ngành bia trong nước tiếp tục chịu ảnh hưởng từ Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định việc xử phạt phương tiện tham gia giao thông có nồng độ cồn trong máu ở bất kỳ mức độ nào và Nghị định 24/NĐ-CP với các quy định khắt khe về quảng cáo rượu bia.



TỶ GIÁ

Tình hình căng thẳng về chính trị trên thế giới gây lên những ảnh hưởng về tỷ giá, chuỗi cung ứng và xuất khẩu của Việt Nam, làm gia tăng chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Phần lớn nguồn nguyên liệu chính phục vụ cho sản xuất bia của HABECO đều được nhập khẩu từ nước ngoài, do đó biến động tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất cũng như biên lợi nhuận của HABECO.



NGUYÊN VẬT LIỆU

Chiến tranh Nga - Ukraine cùng với dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nguy cơ suy thoái kinh tế và các rủi ro về tài chính. Lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất biến động dẫn đến giá cả nhiều yếu tố đầu vào và chi phí sản xuất kinh doanh có xu hướng tăng. Đối với HABECO, dự kiến một số nguyên vật liệu chính cho sản xuất bia tiếp tục tăng trong năm 2023: giá bột trợ lọc tăng khoảng 25%, giá hoa houblon tăng khoảng 10%, giá gạo tăng khoảng 4%, giá đường tăng khoảng 8%. Riêng đối với Malt là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất của HABECO tăng khoảng 60% so với mức giá bình quân mua vào năm 2022.

ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

- HABECO tiếp tục phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ những hãng bia khác. Các nhà sản xuất này là những tập đoàn đa quốc gia, nhận được hậu thuẫn to lớn về kinh nghiệm, nguồn lực tài chính (gấp hàng chục lần so với HABECO), nhân sự, kỹ thuật, nguyên liệu và các hoạt động phát triển thương hiệu và thị trường. Vì vậy, trong cuộc cạnh tranh khốc liệt về thị trường, HABECO đang phải chịu sức ép rất lớn.
- Ngoài những sản phẩm bia nhập khẩu cũng rất được ưa thích do tâm lý sính ngoại của người tiêu dùng, trên thị trường hiện nay còn có những sản phẩm bia chai, bia lon, chai PET của những doanh nghiệp tư nhân nhỏ lẻ, có chính sách hỗ trợ bán hàng hấp dẫn, mang lại lợi thế cạnh tranh về giá trên thị trường. Cùng với đó là tình trạng sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, gây nhầm lẫn với sản phẩm của Habeco.



BIHA HÀ NỘI

GÌN GIỮ TINH HOA NÂNG TẦM VỊ THỂ



— SINCE 1890 —

Người dưới 18 tuổi không được uống rượu bia.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty mẹ như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện		Kế hoạch 2022	% so với 2021	% so với kế hoạch
		2021	2022			
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính	Tỷ đồng	5.736,0	6.938,2	6.605,2	120,9%	105,0%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	376,9	517,5	275	137,3%	188,2%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	310,5	422,0	220,8	135,9%	191,1%

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, HABECO xây dựng phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, báo cáo Bộ Công Thương, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến là 15%. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Bộ Công Thương, HABECO sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua.



Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của HABECO tăng trưởng so với năm 2021 được ghi nhận từ sự phục hồi mạnh mẽ của hoạt động sản xuất kinh doanh của HABECO sau đại dịch Covid-19. Các giải pháp đã được HABECO triển khai để thúc đẩy sản lượng tiêu thụ, phần đầu hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông giao:

- Sản phẩm: Nâng cấp bao bì thiết kế, đổi mới hình thức mẫu mã để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường đối với sản phẩm Trúc Bạch Lon Sleek 330ml, Bia Hanoi Bold Lon Sleek 330ml, Bia Hanoi Light Lon Sleek 330ml, Hanoi Light Chai 355ml, Hanoi Premium Lon Sleek 330ml, Bia chai Hà Nội nhãn xanh 330ml.
- Truyền thông thương hiệu: Tập trung gia tăng giá trị thương hiệu thông qua việc nâng cao chất lượng truyền thông thương hiệu và gia tăng tần suất quảng cáo trên các kênh truyền thống và hiện đại. Xây dựng định vị thương hiệu một cách rõ nét và khác biệt đối với các phân khúc sản phẩm nhằm gia tăng niềm tin và sự ủng hộ, yêu thích của khách hàng đối với các sản phẩm.
- Công tác thị trường và phân phối: Mở rộng phân phối thông qua kênh Thương mại điện tử; Tổ chức bán hàng linh hoạt, đẩy mạnh phân phối và các hoạt động thực thi trên thị trường (đảm bảo sản phẩm sẵn có tại điểm bán, trưng bày và gia tăng hiện diện sản phẩm, gia tăng số lượng sản phẩm của HABECO tại mỗi điểm bán,...) tập trung tại kênh OFF. Triển khai hoạt động bán hàng online, giao hàng tại nhà nhằm thích ứng với tình hình mới.
- Xây dựng, tổ chức và triển khai hoạt động nâng cao sự ủng hộ của người tiêu dùng thông qua các chương trình khuyến mại tập trung hướng đến khách hàng đối với sản phẩm Bia Hà Nội (chai và lon) trong năm 2022 vào dịp bán hàng cao điểm Hè và Tết.
- Triển khai chính sách chiết khấu thương mại để đảm bảo lợi nhuận của hệ thống phân phối, tăng cường cạnh tranh với các đối thủ. Đối với nhà phân phối: Triển khai chương trình chiết khấu trực tiếp trên hóa đơn mua hàng, chương trình thưởng cho nhà phân phối hoàn thành kế hoạch nhập hàng, chương trình hỗ trợ nhập hàng theo tiến độ. Đối với điểm bán, khách hàng C2: Thực hiện các chương trình hỗ trợ điểm bán C2 mua hàng thông qua các chương trình tặng sản phẩm khi mua hàng,...
- Tổ chức giải thưởng chất lượng nội bộ để thúc đẩy các công ty sản xuất liên tục thực hiện cải tiến, nâng cao hiệu quả và chất lượng trong sản xuất.
- Về công tác quản trị doanh nghiệp, HABECO tiếp tục vận hành, khai thác Dự án ERP: bổ sung thêm các phân hệ quản lý sản xuất, quản lý chất lượng tại Tổng công ty; mở rộng hệ thống thực hiện tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO với các phân hệ: Kế toán tài chính (FICO), Quản lý mua sắm và kho (MM), Quản lý bán hàng và phân phối (SD); Tích hợp các phần mềm hóa đơn điện tử, thanh toán ngân hàng, H-Office... Việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản trị doanh nghiệp đã giúp HABECO quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả và phòng tránh được những rủi ro có thể xảy ra.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

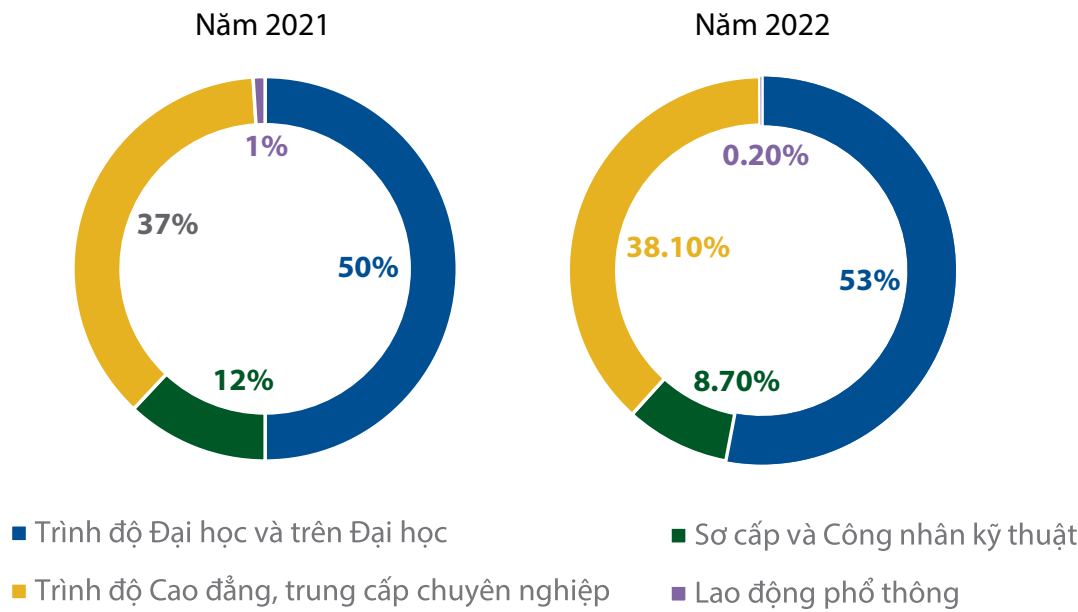
Tổng số cán bộ, nhân viên của HABECO đến thời điểm 31/12/2022 là 515 người, lao động bình quân năm 2022 là 537 người.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH: Không có

Stt	Tiêu chí	Năm 2021		Năm 2022	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	557	100	515	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	277	50	273	53,0
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	69	12	45	8,7
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	207	37	196	38,1
4	Lao động phổ thông	4	1	1	0,2
II	Theo đối tượng lao động	557	100	515	100
1	Lao động trực tiếp	274	49	277	54
2	Lao động gián tiếp	283	51	238	46
III	Theo giới tính	557	100	515	100
1	Nam	373	67	331	64
2	Nữ	184	33	184	36
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	557	100	515	100
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	25	4	18	3
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	55	10	22	4
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	477	86	475	92
V	Theo cấp quản lý	557	100	515	100
1	Quản lý cấp cao	8	1	8	2
2	Quản lý cấp trung	45	8	40	8
3	Quản lý cấp chi nhánh	24	4	27	5
4	Chuyên viên, nhân viên	480	86	440	85
VI	Theo độ tuổi	557	100	515	100
1	Từ 18 đến 25 tuổi	12	2	4	1
2	Từ 26 đến 35 tuổi	169	30	91	18
3	Từ 36 đến 45 tuổi	238	43	254	49
4	Trên 45	138	25	166	32
	Tổng cộng	557	100	515	100

Cơ cấu lao động của Tổng công ty được thể hiện trong các biểu đồ dưới đây:

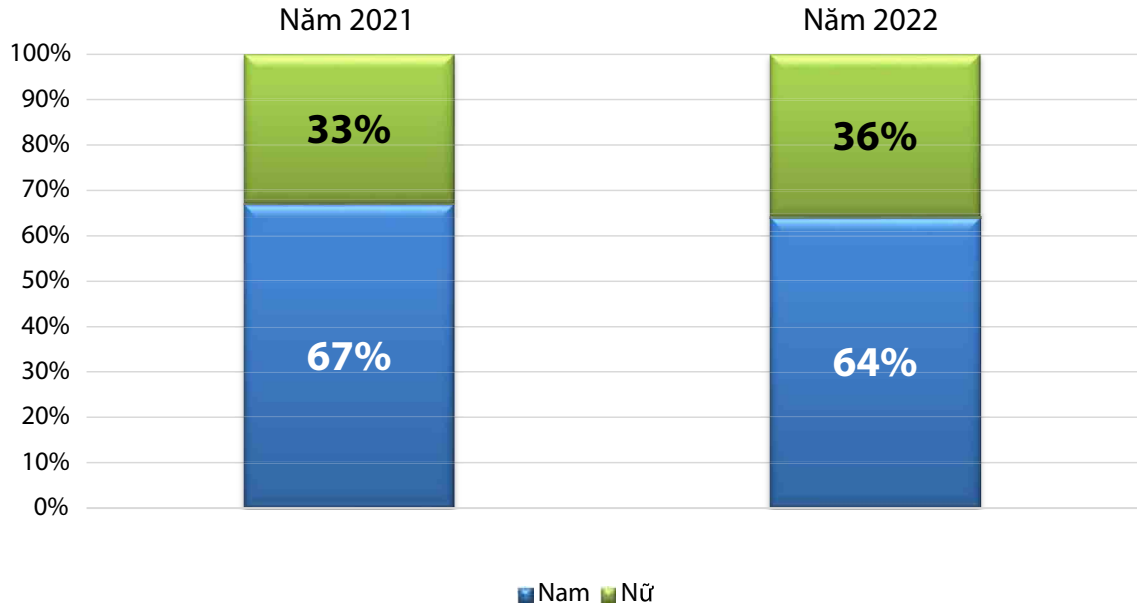
Cơ cấu lao động theo trình độ



Cơ cấu lao động theo trình độ: Cán bộ, nhân viên của HABECO có trình độ từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ đến 61,7% tổng số lao động, phù hợp với chủ trương tập trung nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực, bởi đây là yếu tố then chốt trong sự thành công của HABECO

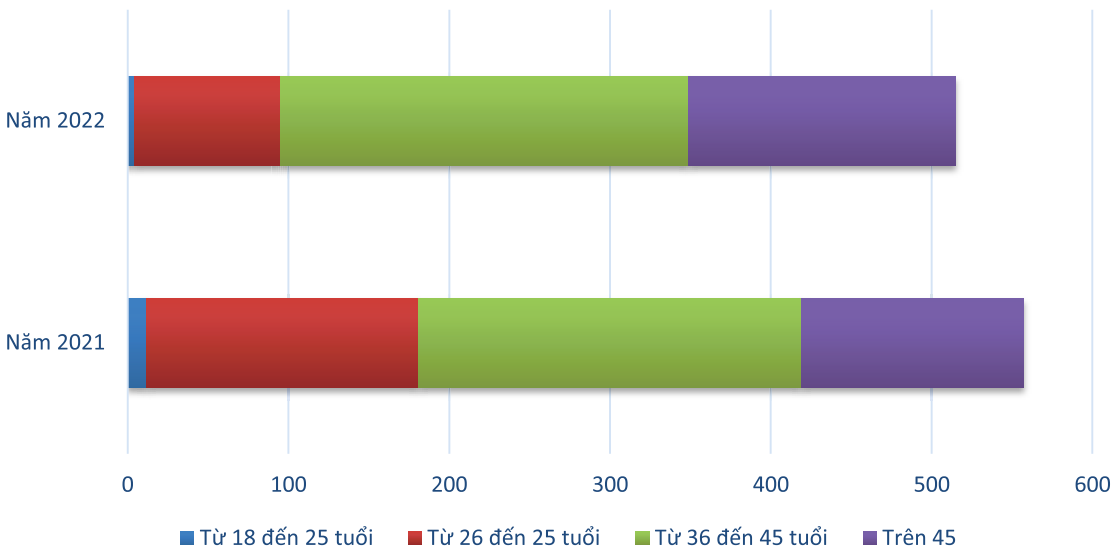


Cơ cấu lao động theo giới tính



Cơ cấu lao động theo giới tính: Cơ cấu lao động theo giới tính của HABECO không có quá nhiều biến động trong 2022 với tỷ lệ lao động nữ luôn ở trên mức 30%, phù hợp với chủ trương bình đẳng giới trong các chính sách nhân sự của HABECO

Cơ cấu lao động theo độ tuổi



Cơ cấu lao động theo độ tuổi: Năm 2022, số lượng lao động của Tổng công ty giảm nhẹ so với năm 2021, độ tuổi lao động chiếm phần lớn vẫn là từ 36 đến 45 tuổi, số lượng lao động với có thời hạn lao động lâu dài tăng lên đáng kể, có nhiều lao động có thâm niên lâu năm, gắn bó với HABECO.



CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Về chính sách đối với người lao động, HABECO luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước.
- Chính sách tiền lương, thưởng: Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Tổng công ty, đảm bảo cạnh tranh thị trường, động viên khích lệ người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Chế độ bảo hiểm: Được thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước; ngoài ra người lao động còn được Tổng công ty hỗ trợ tham gia bảo hiểm sức khỏe.
- Chế độ phúc lợi: Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm; được hỗ trợ chi phí nghỉ mát...
- Chế độ chăm sóc sức khỏe: Người lao động được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp, phụ nữ.
- Chính sách đào tạo: Tổng công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm cho CBCNV cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó CBCNV được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ.
- Các chế độ khác: CBCNV luôn được Tổng công ty tạo điều kiện trong việc cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động....



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Dự án nâng cấp hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO

	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Mục tiêu đầu tư	Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp cho toàn Tổng công ty, chuẩn hóa và tự động hóa quy trình hoạt động, đồng bộ và hợp nhất dữ liệu, xây dựng hệ thống báo cáo quản trị nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản trị, điều hành tại Tổng công ty và Công ty MTV.
2	Quy mô dự án	Dự án nhóm C
3	Địa điểm thực hiện dự án	Tại Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO
4	Tổng mức đầu tư dự án	21,76 tỷ đồng (trong đó vốn đầu tư của Tổng công ty là 9,2 tỷ đồng)
5	Thời gian thực hiện dự án	Năm 2020-2023



Dự án đầu tư trung tâm giới thiệu sản phẩm trên khu đất của Tổng công ty tại Việt Trì, Phú Thọ

Stt	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Mục tiêu đầu tư	- Tiếp cận khách hàng, quảng bá thương hiệu, tạo một không gian thoải mái để người tiêu dùng trải nghiệm các sản phẩm của HABECO; - Là nơi thử nghiệm, đánh giá phản hồi của khách hàng về hệ thống các sản phẩm mới trước khi sản xuất quy mô công nghiệp và thương mại; - Thúc đẩy doanh số bán hàng các sản phẩm truyền thống sẵn có của HABECO và các sản phẩm mới trong tương lai.
2	Quy mô dự án	Dự án nhóm C
3	Địa điểm thực hiện dự án	đường Hùng Vương, phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
4	Tổng mức đầu tư dự án	13,22 tỷ đồng
5	Thời gian thực hiện dự án	Năm 2021-2022



CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

CÔNG TY CON

Đơn vị: triệu đồng

	Công ty	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
1	CTTNHH MTV TM HABECO	804.058	4.726.196	24.643	19.689
2	CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương	94.503	151.589	13.224	10.531
3	CTCP Bia Hà Nội - Hải Phòng	193.183	210.492	3.838	2.592
4	CTCP Bia Hà Nội - Nam Định	35.606	58.032	2.325	1.758
5	CTCP Bia Hà Nội - Thái Bình	225.006	135.659	4.166	3.404
6	CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hoá	313.404	1.610.401	13.768	9.986
7	CTCP Bia Hà Nội - Quảng Bình	42.878	24.933	(10.257)	(10.257)
8	CTCP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	32.956	68.060	3.017	2.390
9	CTCP Rượu và Nước giải khát Hà Nội	365.827	110.900	(16.627)	(16.627)
10	CTCP TM Bia Hà Nội	174.384	1.079.746	23.781	18.405
11	CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội Quảng Ninh	33.554	123.592	618	370
12	CTCP ĐTPT Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	465.593	474.987	19.480	15.513
13	CTCP Bia Hà Nội - Nghệ An	364.656	365.727	24.369	23.099
14	CTCP Bia Hà Nội - Quảng Trị	168.978	191.770	10.985	10.648
15	CTCP Habeco - Hải Phòng	265.729	306.772	19.521	15.514
16	CTCP Bia Hà Nội - Hồng Hà	154.551	150.695	21.485	17.049

Đơn vị: triệu đồng

	Công ty	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
1	CTCP Bao Bì Habeco	88.525	105.687	2.184	2.185
2	CTCP Bia Hà Nội - Kim Bài	87.248	132.289	6.259	5.000
3	CTCP Vận tải Habeco	28.261	28.997	(2.837)	(2.837)
4	CTCP Harec Đầu tư và Thương mại	162.003	31.565	18.277	17.586
5	CT TNHH Thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng	519.214	360.615	1.525	504
6	CTCP Đầu tư phát triển Habeco	20.953	-	(41)	(41)

Trong năm 2022, chiến tranh Nga - Ukraine diễn biến phức tạp dẫn đến khủng hoảng năng lượng, lạm phát tăng cao trên toàn cầu đã đẩy giá nguyên vật liệu tăng cao, đặc biệt là đối với những nguyên liệu nhập khẩu. Những yếu tố này đã làm cho giá thành sản xuất tăng, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Khi tình hình dịch bệnh đã bắt đầu được kiểm soát, hoạt động kinh tế - xã hội trong nước dần trở lại bình thường, các doanh nghiệp, trong đó có HABECO, bắt đầu khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên thu nhập của người tiêu dùng giảm sau dịch bệnh đã ảnh hưởng lớn đến sức mua những sản phẩm không thiết yếu như bia, rượu, nước giải khát. Vì vậy, mặc dù đã có những thuận lợi nhất định trong quá trình kinh doanh nhưng để đạt được mức sản lượng tiêu thụ như những năm trước dịch, đặc biệt trong điều kiện cạnh tranh giữa các hãng bia ngày càng khốc liệt, là rất khó khăn đối với HABECO – Công ty mẹ và các công ty thành viên.

Trước những khó khăn nêu trên, Hội đồng quản trị HABECO đã chỉ đạo Người đại diện vốn tại các công ty thành viên cùng Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty triển khai các biện pháp ứng phó với đà tăng giá của hàng hóa, tối ưu hóa các nguồn lực nhằm ổn định sản xuất, tiêu thụ, xây dựng các chương trình hỗ trợ khách hàng, đẩy mạnh tiêu thụ, cụ thể:

- Thường xuyên theo dõi diễn biến, đánh giá nhu cầu thị trường qua đó tập trung nguồn lực, chi phí cho phát triển thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm phù hợp với thực tiễn nhu cầu xã hội, áp dụng công nghệ số, vận dụng giải pháp kinh tế chia sẻ, phù hợp với thực tế hoạt động của từng công ty để thực hiện và có đánh giá giữa chi phí gắn với hiệu quả kinh doanh
- Theo dõi diễn biến thị trường dự báo nhu cầu nguyên vật liệu sản xuất, liên hệ và làm việc với các nhà cung cấp, chủ động về giá và nguồn nguyên liệu đảm bảo cho nhu cầu sản xuất.
- Tăng cường công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền; quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	7.087.729.500.362	7.233.178.229.846	2,05%
Doanh thu thuần	6.950.539.185.083	8.398.342.522.254	20,83%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	385.091.154.963	611.945.596.072	58,91%
Lợi nhuận khác	26.477.460.906	20.452.180.267	-22,76%
Lợi nhuận trước thuế	411.568.615.869	632.397.776.339	53,66%
Lợi nhuận sau thuế	324.172.819.885	502.769.144.525	55,09%

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của HABECO tăng trưởng so với năm 2021 được ghi nhận từ sự phục hồi mạnh mẽ của hoạt động sản xuất kinh doanh của HABECO sau đại dịch Covid-19. Các giải pháp đã được HABECO triển khai để thúc đẩy sản lượng tiêu thụ, phần đầu hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông giao. Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt mức tăng trưởng lần lượt là 20,83% và 55,09% so với thực hiện năm 2021.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

- Về các chỉ tiêu khả năng thanh toán, hệ số thanh toán hiện hành và hệ số thanh toán nhanh của HABECO lần lượt là 2,67 và 2,27; cả hai hệ số thanh toán này của Tổng công ty tăng so với cùng kỳ 2021, nguyên nhân là do nợ ngắn hạn trong năm giảm (-13,75%YoY) trong khi tài sản ngắn hạn tăng là 11,56%, bên cạnh việc khoản mục hàng tồn kho của HABECO cũng giảm với tỷ lệ là 31,16%. Các chỉ tiêu thanh toán của HABECO ở mức trung bình ngành. Khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của HABECO vẫn được đảm bảo và ở mức an toàn.
- Về các chỉ tiêu cơ cấu vốn, tỷ lệ nợ trên tổng tài sản của HABECO năm 2022 ở là 0,27 lần, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu là 0,36 lần giảm so với cùng kỳ. Nhìn chung, cơ cấu vốn của HABECO ở mức an toàn, các khoản nợ ở trong khả năng chi trả.
- Về các chỉ tiêu hoạt động, vòng quay hàng tồn kho của HABECO là 9,53 vòng tăng nhẹ so với năm 2021 là 0,39 vòng, nguyên nhân là do tốc độ tăng của hàng tồn kho 31,16%YoY) tăng nhanh hơn so với tốc độ tăng của giá vốn hàng bán (15,82%YoY). Tình hình giãn cách dẫn được hủy bỏ khiến cho việc tiêu thụ thành phẩm của HABECO dần được cải thiện, do đó năm 2022, HABECO thực hiện việc dự trữ hàng tồn kho nguyên vật liệu nhiều hơn so với các năm trước. Chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản ghi nhận mức tăng nhẹ so với cùng kỳ 2021, đạt mức 1,17 vòng.
- Về các chỉ tiêu sinh lời, cả 03 chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản và lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần của HABECO tăng so với cùng kỳ, lần lượt là 5,99%; 9,92% và 7,02%. Nguyên nhân chính là do hoạt động sản xuất kinh doanh của HABECO phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,06	2,67
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,80	2,27
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,32	0,27
Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,47	0,36
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,14	9,53
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,94	1,17
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,66	5,99
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6,13	9,92
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,39	7,02
Hệ số lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	5,54	7,29

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần: 231.800.000 cổ phần, trong đó:
Cổ phần phổ thông: 231.800.000 cổ phần.
Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần.
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 231.800.000 cổ phần.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Nhóm cổ đông	Cổ phần năm giữ	Tỷ lệ cổ phần năm giữ/Tổng số cổ phần (%)
1	Cổ đông Nhà nước	189.592.400	81,79
2	Carlsberg Breweries A/S	40.198.200	17,34
3	Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam	381.400	0,16
4	Cổ đông khác	1.628.000	0,70
	Trong nước	221.430	0,10
	Nước ngoài	1.406.570	0,60
	Tổng cộng	231.800.000	100

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH
DOANH 2022

GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN NĂM 2022

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH
SÁCH, QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2023

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH
NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2022

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2022 như sau:

	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tăng - giảm
1	Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính (đã bao gồm thuế TTĐB)	Tỷ đồng	6.605,2	6.938,10	5,0%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	274,98	517,5	88,2%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	220,8	422,0	91,1%



GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN NĂM 2022

CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG VÀ PHÂN PHỐI SẢN PHẨM

Mở rộng phân phối thông qua kênh Thương mại điện tử; Tổ chức bán hàng linh hoạt, đẩy mạnh phân phối và các hoạt động thực thi trên thị trường (đảm bảo sản phẩm sẵn có tại điểm bán, trưng bày và gia tăng hiện diện sản phẩm, gia tăng số lượng sản phẩm của HABECO tại mỗi điểm bán,...) tập trung tại kênh OFF. Triển khai hoạt động bán hàng online, giao hàng tại nhà nhằm thích ứng với tình hình mới.

Xây dựng, tổ chức và triển khai hoạt động nâng cao sự ủng hộ của người tiêu dùng thông qua các chương trình khuyến mại tập trung hướng đến khách hàng đối với sản phẩm Bia Hà Nội (chai và lon) trong năm 2022 vào dịp bán hàng cao điểm Hè và Tết.

Triển khai chính sách chiết khấu thương mại để đảm bảo lợi nhuận của hệ thống phân phối, tăng cường cạnh tranh với các đối thủ. Đối với nhà phân phối: Triển khai chương trình chiết khấu trực tiếp trên hóa đơn mua hàng, chương trình thưởng cho nhà phân phối hoàn thành kế hoạch nhập hàng, chương trình hỗ trợ nhập hàng theo tiến độ. Đối với điểm bán, khách hàng C2: Thực hiện các chương trình hỗ trợ điểm bán C2 mua hàng thông qua các chương trình tặng sản phẩm khi mua hàng,...



VỀ SẢN PHẨM

Nâng cấp bao bì thiết kế, đổi mới hình thức mẫu mã để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường đối với sản phẩm Trúc Bạch Lon Sleek 330ml, Bia Hanoi Bold Lon Sleek 330ml, Bia Hanoi Light Lon Sleek 330ml, Hanoi Light Chai 355ml, Hanoi Premium Lon Sleek 330ml, Bia chai Hà Nội nhãn xanh 330ml.

CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Tập trung gia tăng giá trị thương hiệu thông qua việc nâng cao chất lượng truyền thông thương hiệu và gia tăng tần suất quảng cáo trên các kênh truyền thống và hiện đại. Xây dựng định vị thương hiệu một cách rõ nét và khác biệt đối với các phân khúc sản phẩm nhằm gia tăng niềm tin và sự ủng hộ, yêu thích của khách hàng đối với các sản phẩm.



CÔNG TÁC VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU

Trong bối cảnh chuỗi cung ứng bị đứt gãy do ảnh hưởng của dịch Covid 19 và chiến tranh Nga - Ukraine, khủng hoảng năng lượng, lạm phát tăng cao trên toàn cầu, tỷ giá đồng ngoại tệ tăng và diễn biến phức tạp đẩy giá nguyên vật liệu tăng cao chưa từng có đặc biệt đối với nhóm hàng có nguyên liệu nhập khẩu (malt tăng 10%, vỏ lon tăng 40-50%, nắp chai tăng 30%, hộp giấy tăng 15%, bột trợ lọc tăng 20%, nhãn tăng 3-5%...). Do đó, công tác mua sắm nguyên vật liệu chính năm 2022 gặp nhiều khó khăn và thách thức. Trong tình hình đó, HABECO đã bám sát cung cầu của thị trường vật tư nguyên liệu, nỗ lực đàm phán với nhà cung ứng để giữ được giá của hợp đồng trong bối cảnh giá thị trường tăng cao, để giảm thiểu tối đa việc phát sinh tăng chi phí mua nguyên vật liệu. Với sự linh hoạt trong việc huy động nguồn cung ứng đối với vật tư nguyên liệu đầu vào, hoạt động sản xuất của HABECO đã được duy trì ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.



— GÌN GIỮ —
TINH HOA
— NÂNG TẦM —
VỊ THỂ



— SINCE 1890 —

Tôi yêu
BIA HÀ NỘI



CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Trong năm 2022, HABECO luôn đảm bảo đáp ứng đủ vốn cho hoạt động SXKD tại mọi thời điểm, tối ưu được lợi nhuận tài chính; thực hiện tiết giảm và tạm dừng các hoạt động, chi phí chưa cần thiết để dành nguồn lực cho công tác bán hàng, giúp tăng cường sức cạnh tranh của sản phẩm mang thương hiệu HABECO trên thị trường.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ tài chính đối với các Công ty thành viên đang gặp khó khăn nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị được liên tục, kết quả sản xuất kinh doanh được cải thiện. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn tổ hợp.

Tiếp tục quản trị chi phí cũng như giá thành sản phẩm tại Công ty mẹ và các công ty thành viên đảm bảo tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả hoạt động.

CÔNG TÁC NHÂN SỰ

Xây dựng quy hoạch các chức danh do Bộ Công Thương quản lý giai đoạn 2022-2026, 2026-2031, xây dựng quy hoạch các chức danh quản lý các Phòng ban giai đoạn mới để chủ động trong nguồn cán bộ kế cận.

Cân đối, điều động linh hoạt lao động giữa các bộ phận đảm bảo đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, kinh doanh và phù hợp với năng lực của người lao động.

Luôn duy trì thực hiện các chế độ, chính sách để người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Tổng công ty. Ngoài ra Tổng công ty luôn đảm bảo việc chi trả lương thưởng hiệu quả, công bằng và cạnh tranh với mức lương thị trường.

Triển khai một số khóa đào tạo để nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng người lao động.

CÔNG TÁC KỸ THUẬT

Định kỳ tổ chức đánh giá toàn diện năng lực công nghệ, thiết bị, chất lượng, an toàn thực phẩm tại các nhà máy, công ty sản xuất bia Hà Nội, kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn chất lượng đã công bố, góp phần giữ vững giá trị thương hiệu của HABECO.

Ban hành mới, sửa đổi cập nhật các quy trình công nghệ, quy định, hướng dẫn kiểm soát các công đoạn sản xuất; xây dựng, cập nhật các tiêu chuẩn chất lượng, theo hướng tiên tiến hơn và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Xây dựng và ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật cho các loại nguyên vật liệu, năng suất dây chuyền, hiệu suất thu hồi các công đoạn sản xuất... theo từng loại sản phẩm phù hợp với thực tế sản xuất, giúp kiểm soát chặt chẽ hao phí tại các công đoạn, thực hiện mục tiêu tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm giá thành sản xuất.

Tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, hiện đang triển khai ở quy mô Pilot các sản phẩm: Nước malt hương hoa quả, bia Craft lúa mỳ (Wheat beer).

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Xây dựng và đưa vào khai thác Hệ thống nhà hàng giới thiệu và trưng bày sản phẩm tại Hà Nội của HABECO Trading, công trình trung tâm giới thiệu sản phẩm tại Việt Trì - Phú Thọ (Công ty Cổ phần bia Hà Nội – Hồng Hà khai thác), vườn bia tại Đông Hà - Quảng Trị (Công ty Cổ phần bia Hà Nội – Quảng Trị khai thác), nhà hàng giới thiệu sản phẩm của HABECO tại Hải Phòng (thuộc Công ty Cổ phần bia Hà Nội – Hải Phòng).

Đưa vào vận hành Dự án mở rộng hệ thống quản trị doanh nghiệp của Tổng công ty (hệ thống SAP ERP HABECO): bổ sung thêm các phân hệ quản lý sản xuất, quản lý chất lượng tại Tổng công ty; mở rộng hệ thống thực hiện tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO với các phân hệ: Kế toán tài chính (FICO), Quản lý mua sắm và kho (MM), Quản lý bán hàng và phân phối (SD); Tích hợp các phần mềm hóa đơn điện tử, thanh toán ngân hàng, H-Office.



CÔNG TÁC XÃ HỘI

Về thực hiện an sinh xã hội: duy trì phụng dưỡng 12 mẹ Việt Nam anh hùng, ủng hộ các Quỹ xã hội của Trung ương và địa phương cùng một số hoạt động từ thiện khác như Quỹ nhân đạo và Tết vì người nghèo, Quỹ phòng chống tội phạm TW, Quỹ bảo trợ trẻ em Hà Nội, hỗ trợ thương binh cơ quan Bộ Công Thương, ủng hộ chương trình “Gặp mặt người có công với cách mạng”... với tổng số tiền từ thiện xã hội năm 2022 là 1,28 tỷ đồng

Chung tay góp sức vào các hoạt động xã hội mang ý nghĩa nhân văn, thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, HABECO đã tổ chức thành công chương trình “Tiếp sức mùa thi” giúp đỡ, hỗ trợ cho các thí sinh và người nhà tại khu vực Hà Nội trong mùa thi tốt nghiệp THPT năm 2022; tham gia chương trình hiến máu dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Hà Nội tại Bệnh viện Huyết học truyền máu Trung ương; đồng hành cùng Chương trình Festival Thanh niên Đông Nam Á hướng tới chào mừng Đại hội thể thao Đông Nam Á, Sea Games 31...



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

HABECO luôn chấp hành đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật. Kết quả hoạt động kinh doanh của HABECO trong năm 2022 có lãi. Nhóm chỉ tiêu sinh lời đều tăng so với cùng kỳ. Các chỉ số tài chính phản ánh khả năng thanh toán, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu đảm bảo ở mức an toàn theo quy định, điều này cho thấy HABECO đảm bảo được hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cân đối, an toàn, thực hiện được mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/ giảm
		Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng	
1	Tài sản ngắn hạn	4.341.875.502.440	61,26%	4.843.308.708.749	66,96%	11,55%
2	Tài sản dài hạn	2.745.853.997.922	38,74%	2.389.869.521.097	33,04%	-12,96%
	Tổng tài sản	7.087.729.500.362	100,0%	7.233.178.229.846	100,0%	2,05%

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng tài sản của HABECO là 7.233,1 tỷ đồng, tăng 2,05% so với năm 2021. Trong tổng tài sản, tài sản ngắn hạn là 4.843,3 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 66,96% tổng tài sản, tài sản dài hạn là 2.389,8 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 33,04% tổng tài sản. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn đang ở mức hợp lý phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của HABECO.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/ giảm
		Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng	
1	Nợ ngắn hạn	2.104.987.465.003	93,44%	1.815.508.334.712	94,15%	-13,75%
2	Nợ dài hạn	147.863.736.630	6,56%	112.816.571.110	5,85%	-23,70%
	Tổng	2.252.851.201.633	100,0%	1.928.324.905.822	100,0%	-14,41%

Tại thời điểm ngày 31/12/2022, tổng nợ phải trả của HABECO là 1.928,3 tỷ đồng, giảm 14,41% so với năm trước. Nợ dài hạn giảm 23,7% xuống còn 112,8 tỷ đồng, nợ ngắn hạn giảm 13,75% xuống 1.815,5 tỷ đồng.

Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ phải trả chiếm 94,15%, tập trung vào các khoản mục Phải trả người bán (chiếm 31,1% Nợ ngắn hạn), Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (chiếm 24,2% Nợ ngắn hạn) và Phải trả ngắn hạn khác (chiếm 13,5% Nợ ngắn hạn).

Nợ dài hạn chỉ chiếm 5,85% trong cơ cấu nợ của HABECO, tập trung chủ yếu là khoản Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn, chiếm 92,5% Nợ dài hạn.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Sắp xếp, bố trí lao động linh hoạt theo kế hoạch sản xuất kinh doanh; thường xuyên rà soát định mức lao động làm cơ sở bố trí, sắp xếp lao động khoa học, hiệu quả. Sửa đổi, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Kỹ thuật Bia - Rượu - Nước giải khát và Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh.

VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Đảm bảo chế độ, chính sách để người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Tổng công ty. Ngoài ra, HABECO luôn đảm bảo việc chi trả lương thưởng hiệu quả, công bằng và cạnh tranh với mức lương thị trường. Giải quyết chế độ đối với người lao động đúng luật và kịp thời (BHXH, Thuế). Quan tâm giải quyết tốt việc chăm lo đời sống quyền lợi, chế độ chính sách của cán bộ công nhân viên.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2023

TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2023 tiếp tục là năm nhiều khó khăn thách thức đối với HABECO. Chiến tranh Nga - Ukraine cùng với dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nguy cơ suy thoái kinh tế và các rủi ro về tài chính. Lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất biến động dẫn đến giá cả nhiều yếu tố đầu vào và chi phí sản xuất kinh doanh có xu hướng tăng. Đối với HABECO, dự kiến một số nguyên vật liệu chính cho sản xuất bia tiếp tục tăng trong năm 2023: giá bột trợ lọc tăng khoảng 25%, giá hoa houblon tăng khoảng 10%, giá gạo tăng khoảng 4%, giá đường tăng khoảng 8%. Riêng đối với Malt là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất, trong năm 2022, HABECO đã ký Hợp đồng sớm với giá tốt nên giá malt trong năm chỉ tăng khoảng 10% (giá thị trường tăng khoảng 40-50%). Tuy nhiên, bước sang năm 2023, lợi thế này đã không còn khi mặt bằng giá Malt thế giới vẫn giữ ở mức cao. Vì vậy, giá Malt đầu vào năm 2023 của HABECO tăng khoảng 50% so với mức giá bình quân mua vào năm 2022.



ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

HABECO tiếp tục phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ những hãng bia khác như Heineken, Sabeco... Các nhà sản xuất này đều là những tập đoàn đa quốc gia, nhận được hậu thuẫn to lớn về kinh nghiệm, nguồn lực tài chính (gấp hàng chục lần so với HABECO), nhân sự, kỹ thuật, nguyên liệu và các hoạt động phát triển thương hiệu và thị trường..

Ngoài những sản phẩm bia nhập khẩu cũng rất được ưa thích do tâm lý sùng ngoại của người tiêu dùng, trên thị trường hiện nay còn có những sản phẩm bia chai, bia lon, chai PET của những doanh nghiệp tư nhân nhỏ lẻ, có chính sách hỗ trợ bán hàng hấp dẫn, mang lại lợi thế cạnh tranh về giá trên thị trường. Cùng với đó là tình trạng sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, gây nhầm lẫn với sản phẩm của HABECO.

KẾ HOẠCH MỤC TIÊU

- Tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu của HABECO tại thị trường phía Bắc, đặc biệt tại phân khúc bia phổ thông, phát triển và mở rộng thị trường tại Miền Trung và Miền Nam.
- Nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ. Tiếp tục gia tăng giá trị thương hiệu thông qua việc nâng cao chất lượng truyền thông thương hiệu, gia tăng tần suất, độ phủ quảng cáo trên các kênh truyền thống và hiện đại.
- Phấn đấu doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính năm 2023 tăng trưởng trên 6% so với cùng kỳ.



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG

Xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm và kết nối người tiêu dùng:

- Tiếp tục phát triển thương hiệu, khai thác lợi thế: Thương Hiệu Quốc gia, mang đậm bản sắc người Việt cùng giá trị truyền thống, “Gìn Giữ Tinh Hoa Nâng Tầm Vị Thế”, “Một Nét Văn Hóa Hà Nội” của các thương hiệu tại phân khúc phổ thông của HABECO.
- Tập trung gia tăng giá trị thương hiệu thông qua việc nâng cao chất lượng truyền thông thương hiệu và gia tăng tần suất quảng cáo trên các kênh truyền thống và hiện đại.
- Gia tăng hoạt động truyền thông trực tiếp kết nối với khách hàng mục tiêu và chương trình khuyến mại, tri ân khách hàng thông qua các hình thức: lễ hội âm nhạc cuối năm, lễ hội bia, hoạt náo tại các nhà hàng, điểm bán kênh ON..., triển khai các hương trình khuyến mại người tiêu dùng vào 02 dịp cao điểm Hè và Tết.

Hệ thống phân phối:

- Kiện toàn và kiểm soát chặt chẽ hệ thống phân phối thông qua việc ứng dụng công nghệ và phần mềm.
- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ vùng bán, hạn chế bán lấn vùng lấn tuyến thông qua việc điều phối các hoạt động hỗ trợ bán hàng.
- Hoàn thiện hệ thống phân phối, lựa chọn các nhà phân phối có tiềm lực, có hệ thống phân phối lớn, thay thế các nhà phân phối yếu, kém.
- Tiếp tục hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kênh phân phối Online, mục tiêu vừa quảng bá hình ảnh, thương hiệu trong thời đại kỹ thuật số, vừa hỗ trợ bán hàng.
- Định hướng phát triển đối với từng kênh phân phối: Tập trung trọng điểm phát triển kênh OFF (kênh tiêu dùng gián tiếp), xây dựng hiện diện thương hiệu tại kênh ON (kênh tiêu dùng trực tiếp) và kênh hiện đại (MT).
- Đa dạng hóa mô hình phân phối của HABECO thông qua kênh Thương mại điện tử (Ecommerce). Gia tăng nhận diện thương hiệu thông qua việc hiện diện trên các sàn Thương mại điện tử hàng đầu Việt Nam và tối ưu Website bán hàng trực tuyến của HABECO, xây dựng Website trở thành kênh bán hàng trực tuyến cũng như kênh truyền thông hiệu quả và bền vững của HABECO. Khai thác tiềm năng kênh thương mại điện tử trở thành kênh kinh doanh và hoàn thiện mô hình phân phối của HABECO. Tổ chức hiệu quả các hoạt động chăm sóc, hỗ trợ khách hàng, thu hút khách hàng tìm hiểu và sử dụng kênh phân phối mới của HABECO.



CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

- Tăng cường công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền, quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành.
- Tiếp tục rà soát, xác định các kế hoạch chi phí thực sự cần thiết cho sản xuất, kinh doanh, tiết giảm các chi phí chưa thực sự cấp bách để tập trung cho công tác thị trường, phát triển tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

CÔNG TÁC LAO ĐỘNG

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý sản xuất, kiện toàn chức năng nhiệm vụ các Phòng ban theo yêu cầu công tác quản lý và điều hành.
- Đào tạo, nâng cao chất lượng lao động, bố trí, điều động, sắp xếp lao động linh hoạt cũng như có phương án tuyển dụng, bổ sung lao động phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Tiếp tục triển khai chương trình đào tạo để củng cố và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý trong giai đoạn thị trường cạnh tranh gay gắt nhiều biến động.



CÔNG TÁC KỸ THUẬT, CHẤT LƯỢNG, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

- Thực hiện đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ kỹ thuật tại các đơn vị thành viên trong công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất.
- Cải tiến liên tục, nâng cao hiệu quả và chất lượng phần mềm quản lý hệ thống ISO, hướng đến tích hợp với các phần mềm của các bộ phận khác tại Tổng công ty nhằm tối ưu hóa việc ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (xây dựng các phần mềm chuyên biệt, đặc thù) vào việc quản lý chất lượng, quản lý sản xuất.
- Xây dựng các chương trình thúc đẩy thêm các sáng kiến ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động chuyên môn, hoạt động sản xuất, nhằm nâng cao hơn nữa tính sáng tạo của người lao động.
- Nghiên cứu phương pháp kiểm tra các chỉ tiêu chuyên sâu, khai thác các thiết bị phân tích hiện đại để đánh giá sâu hơn chất lượng bia cả về hóa lý, vi sinh, cảm quan.
- Nâng cao kỹ năng cảm quan của cả hệ thống, sử dụng công cụ cảm quan một cách hữu hiệu trong việc xác định các nguy cơ về công nghệ, thiết bị trong việc kiểm soát quá trình.
- Nghiên cứu phát triển dòng sản phẩm chất lượng cao (bia craft, bia lúa mì...); phát triển một số sản phẩm bia mới kết hợp hương vị hoa quả và nhẹ độ hướng tới giới trẻ; các sản phẩm giải khát có lợi cho sức khỏe...

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

- Xây dựng đề án, hướng dẫn thực hiện và phối hợp với các đơn vị để chuẩn bị kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, tập trung vào lĩnh vực bán hàng, phân phối sản phẩm, marketing, văn phòng điện tử.

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**

- HABECO luôn nghiêm túc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Các nhà máy đều đạt chứng nhận ISO 14001; Nước thải trong quá trình sản xuất được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải của bản thân Công ty được giám sát và truyền thông số online lên Sở Tài nguyên và Môi trường, nước sau xử lý đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn giấy phép;
- Các chất thải nguy hại 100% được xử lý theo đúng quy định của pháp luật; Có đầy đủ các giấy phép về khai thác nước ngầm và xả nước thải vào nguồn nước; Lập và nộp các báo cáo về khai thác nước, xả nước thải và thu gom xử lý chất thải nguy hại đầy đủ và đúng thời gian. Trong năm 2022, HABECO không vi phạm pháp luật, không phát sinh sự cố về môi trường.
- HABECO đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng vào sản xuất, giúp tăng năng suất, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận, góp phần bảo vệ môi trường. Tất cả các hoạt động đều hướng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích cộng đồng.
- HABECO đã thực hiện chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, người lao động được tham gia các khóa học đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với nhóm đối tượng học viên, cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc.
- HABECO đã tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng và môi trường với các hoạt động cụ thể, thể hiện trách nhiệm, ý thức của doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường và xã hội.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2022, chiến tranh Nga - Ukraine diễn biến phức tạp dẫn đến khủng hoảng năng lượng, lạm phát tăng cao trên toàn cầu đã đẩy giá nguyên vật liệu tăng cao, đặc biệt là đối với những nguyên liệu nhập khẩu. Những yếu tố này đã làm cho giá thành sản xuất tăng, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Khi tình hình dịch bệnh đã bắt đầu được kiểm soát, hoạt động kinh tế - xã hội trong nước dần trở lại bình thường, các doanh nghiệp, trong đó có HABECO, bắt đầu khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên thu nhập của người tiêu dùng giảm sau dịch bệnh đã ảnh hưởng lớn đến sức mua những sản phẩm không thiết yếu như bia, rượu, nước giải khát. Vì vậy, mặc dù đã có những thuận lợi nhất định trong quá trình kinh doanh nhưng để đạt được mức sản lượng tiêu thụ như những năm trước dịch, đặc biệt trong điều kiện cạnh tranh giữa các hãng bia ngày càng khốc liệt, là rất khó khăn đối với HABECO.

Với sự đoàn kết, đồng lòng, tinh thần trách nhiệm cao và sự sáng tạo, quyết tâm trên mọi lĩnh vực hoạt động của cán bộ công nhân viên, HABECO đã nỗ lực phấn đấu và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ giao.

Theo đó, số liệu thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022 tại Công ty mẹ như sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính (đã bao gồm thuế TTĐB) đạt 6.938,1 tỷ đồng, tăng 5% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 517,5 tỷ đồng, tăng 88,2% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 422 tỷ đồng, tăng 91,1% so với kế hoạch.

Các hoạt động truyền thông, marketing thương hiệu và các sản phẩm của HABECO cũng được đẩy mạnh trên nền tảng số - kênh truyền thông tiếp cận người tiêu dùng hiệu quả nhất hiện nay.

Cùng với đó, các hoạt động activation giới thiệu sản phẩm tại điểm bán, chương trình khuyến mại với giá trị giải thưởng lớn cũng được HABECO đẩy mạnh vào dịp cuối năm, thu hút nhiều tầng lớp người tiêu dùng tham gia.

Nâng cấp bao bì thiết kế, đổi mới hình thức mẫu mã để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường đối với sản phẩm Trúc Bạch Lon Sleek 330ml, Bia Hanoi Bold Lon Sleek 330ml, Bia Hanoi Light Lon Sleek 330ml, Hanoi Light Chai 355ml, Hanoi Premium Lon Sleek 330ml, Bia chai Hà Nội nhãn xanh 330ml

Cùng với đổi mới công nghệ thân thiện với môi trường, chiến lược phát triển bền vững được HABECO cụ thể hóa qua các hoạt động vì cộng đồng và môi trường mà doanh nghiệp góp mặt.

Là một doanh nghiệp bia nội hàng đầu tại Việt Nam, HABECO luôn nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong các công tác xã hội, tích cực tổ chức các chương trình hướng đến cộng đồng như xây nhà tình nghĩa, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, ...

HABECO thực hiện chính sách đối với người lao động theo đúng Bộ Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, người lao động được tham gia các khóa học đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ phù hợp với các nhóm đối tượng học viên, cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị luôn quan tâm sâu sát đến các mặt hoạt động của HABECO, từ đó, đưa ra các chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho Hội đồng quản trị (HĐQT) được Ban điều hành thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành.

Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT được Ban điều hành triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Đánh giá đối với Tổng giám đốc

- Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của HABECO.
- Tổng Giám đốc đã tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư.
- Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của HABECO.

Đánh giá đối với các cán bộ, quản lý khác

Các cán bộ, quản lý thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thuộc lĩnh vực được phân công. Cán bộ quản lý làm việc có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT được quy định trong Điều lệ và các Quy chế nội bộ của HABECO; nâng cao năng lực quản trị, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên HĐQT.

Tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, áp dụng phương thức quản trị tiên tiến, nhằm khai thác hiệu quả các thế mạnh của HABECO, đạt được tín nhiệm của cổ đông và các nhà đầu tư.

Tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của HABECO và các công ty thành viên.

Chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu đã được ĐHCĐ thông qua, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023; tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt các nhiệm vụ quan trọng.

Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của hệ thống quản trị giữa Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn tại đơn vị hoạt động kém hiệu quả, đầu tư ngoài ngành.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Xây dựng đề án, hướng dẫn thực hiện và phối hợp với các đơn vị để chuẩn bị kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, tập trung vào lĩnh vực bán hàng, phân phối sản phẩm, marketing, văn phòng điện tử.



**THÊM RỘN RÀNG
KHI HỘI NGỘ BẰNG HỮU**



BIA HƠI HÀ NỘI

*Uị Bia gắn kết
mọi khoảnh khắc*

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, TỔ CHỨC SẢN XUẤT - KINH DOANH

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản trị tài sản, tài chính doanh nghiệp, đảm bảo hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, tối ưu lợi nhuận và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và các cổ đông.

Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt công tác dự báo tình hình sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính chủ động, kịp thời trong việc điều hành, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SKXD đã được ĐHCĐ giao.

Phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên, từ đó đưa ra các giải pháp hỗ trợ kịp thời cho các đơn vị gặp khó khăn, nâng cao hiệu quả đầu tư vốn tại các công ty thành viên

CÔNG TÁC KHÁC

Đào tạo, nâng cao chất lượng lao động, bố trí, điều động, sắp xếp lao động linh hoạt cũng như có phương án tuyển dụng, bổ sung lao động phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Tiếp tục triển khai chương trình đào tạo để củng cố và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý trong giai đoạn thị trường cạnh tranh gay gắt và chịu nhiều ảnh hưởng của môi trường tự nhiên nhiều biến động.

Chỉ đạo tập trung nâng cấp, cải tiến chất lượng và bao bì nhãn mác của sản phẩm, nghiên cứu thị trường để kịp thời ra mắt các sản phẩm phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của người tiêu dùng.

Chỉ đạo công ty thành viên tiếp tục phát huy lợi thế so sánh để góp phần vào công tác bán hàng, tiêu thụ sản phẩm Bia Hà Nội.



BIA HÀ NỘI

GÌN GIỮ **TINH HOA**
NÂNG TẦM **VỊ THỂ**



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT



KIỆT TÁC CHINH PHỤC ĐỈNH CAO



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày là thành viên HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ sở hữu/Đại diện vốn
1	Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT	28/06/2018	07/07	36,79% vốn điều lệ
2	Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên HĐQT	28/06/2018	07/07	25% vốn điều lệ
3	Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	06/09/2019	07/07	10% vốn điều lệ
4	Ông Trần Thuận An	Thành viên HĐQT	06/09/2019	07/07	10% vốn điều lệ
5	Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên HĐQT	22/01/2020	07/07	17,34 % vốn điều lệ
6	Bà Quản Lê Hà	Thành viên độc lập	22/01/2020	06/07 (có lý do)	0 % vốn điều lệ

TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Văn phòng HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2022, để chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống HABECO, HĐQT thường xuyên theo dõi, kiểm tra và giám sát chỉ đạo Ban điều hành, theo sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) để tổ chức thực hiện với tinh thần tích cực, cẩn trọng.

Để thực hiện và hoàn thành Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, HĐQT ban hành 20 Nghị quyết, trong đó 07 Nghị quyết thông qua các phiên họp trực tiếp của HĐQT và 13 Nghị quyết thông qua việc xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Các nghị quyết của HĐQT đã được thông qua, hàng tháng đều được giám sát tiến độ triển khai và báo cáo kết quả trong từng phiên họp HĐQT.



NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Tóm tắt nội dung
01	01/NQ-HĐQT-HABECO	21/01/2022	Thông nhất kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông. Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với Người đại diện vốn, Tổ thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội.
02	02/NQ-HĐQT-HABECO	10/02/2022	Thông nhất với đề xuất của Tổng Giám đốc về việc biệt phái cán bộ đến thực hiện nhiệm vụ tại CTCP Thương mại Bia Hà Nội và giới thiệu bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ Phó Giám đốc phát triển thị trường Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội. Phê duyệt chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh.
03	03/NQ-HĐQT-HABECO	03/03/2022	Điều chỉnh một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2021 liên quan tới nội dung phân chia Quỹ đầu tư phát triển của Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội theo ý kiến của Kiểm toán Nhà nước; Phê duyệt chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO đối với Ông Chu Quang Hưng; Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với Người đại diện vốn của Tổng công ty tại CTCP Harec Đầu tư và Thương mại.
04	04/NQ-HĐQT-HABECO	11/03/2022	Thông nhất nội dung liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Tổng công ty.
05	05/NQ-HĐQT-HABECO	31/03/2022	Thông nhất các nội dung liên quan đến công tác nhân sự tại CTCP Bia Hà Nội-Quảng Trị; Thông nhất về chính sách trả chậm tiền mua hàng đối với Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO.
06	06/NQ-HĐQT-HABECO	06/04/2022	Thông nhất về việc phê duyệt danh sách nhân sự quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý tại các Công ty con giai đoạn 2022-2027; Chỉ đạo Người đại diện vốn tại CTCP HABECO - Hải Phòng; Chương trình và tài liệu họp trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; Thông nhất về việc lựa chọn nhà cung ứng cho dịch vụ soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 1 năm 2022; Kiện toàn nhân sự đại diện phần vốn của HABECO, giới thiệu tham gia HĐQT và nhân sự kiểm soát viên của HABECO, giới thiệu tham gia HĐQT và nhân sự kiểm soát viên của HABECO tại một số Doanh nghiệp khác; Chỉ đạo Người đại diện vốn của Tổng Công ty tại CTCP Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh, CTCP Bia Hà Nội - Thái Bình, CTCP Harec Đầu tư và Thương mại về các nội dung liên quan đến việc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Tóm tắt nội dung
07	07/NQ-HĐQT-HABECO	20/04/2022	Chỉ đạo Người đại diện vốn của Tổng Công ty tại CTCP Rượu và Nước giải khát Hà Nội, CTCP Bao Bì Habeco, CTCP Bia Hà Nội-Kim Bài, CTCP Bia Hà Nội-Thanh Hóa, CTCP Bia Hà Nội-Nam Định, CTCP Bao Bì Bia-Rượu-Nước giải khát, CTCP Thương mại Bia Hà Nội, CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89, CTCP Bia Hà Nội-Hải Phòng, CTCP Bia Hà Nội-Quảng Bình, CTCP Bia Hà Nội-Hải Dương, CTCP Habeco-Hải Phòng, CTCP Đầu tư phát triển Công nghệ Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội về các nội dung liên quan đến việc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
08	08/NQ-HĐQT-HABECO	27/04/2022	Chỉ đạo Người đại diện vốn của Tổng Công ty tại CTCP Vận tải Habeco, CTCP Bia Hà Nội-Hồng Hà về các nội dung liên quan đến việc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
09	09/NQ-HĐQT-HABECO	05/05/2022	Thông nhất về việc phê duyệt chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc CTCP Bia Hà Nội-Nam Định; Tổng hợp kết quả giám sát tài chính năm 2021 đối với các công ty thành viên của HABECO; Về việc tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện dịch vụ kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2022.
10	10/NQ-HĐQT-HABECO	18/05/2022	Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của Công ty mẹ; Ý kiến chỉ đạo Người đại diện vốn của Tổng Công ty tại Trường Đại học Vinh về các nội dung liên quan đến cuộc họp Hội nghị Nhà đầu tư thường niên năm 2022.
11	11/NQ-HĐQT-HABECO	13/06/2022	Thông nhất đánh giá mức độ hoàn thành chức trách nhiệm vụ Người đại diện phần vốn Nhà nước tại HABECO năm 2021; Thông nhất đánh giá mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng HABECO năm 2021; Thông nhất về quyết toán tiền lương thực hiện của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; Thông nhất về Kế hoạch lao động năm 2022; Thông nhất với phương án kế hoạch tiền lương năm 2022 làm cơ sở điều hành sản xuất kinh doanh của HABECO; Thông nhất về phương án mở hạn mức tín dụng; Ý kiến chỉ đạo Người đại diện vốn tại về chủ trương sửa đổi, bổ sung Quy chế trả thu nhập của CTCP Bia Hà Nội-Hồng Hà; Về việc kiện toàn nhân sự đại diện phần vốn của HABECO, giới thiệu tham gia HĐQT tại CTCP Bia Hà Nội - Nghệ An. Thông nhất phê duyệt chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc CTCP Thương mại Bia Hà Nội; Thông nhất nội dung Dự thảo Quy chế Kiểm toán nội bộ của HABECO. Bộ phận đại diện vốn Nhà nước báo cáo xin ý kiến của Bộ Công Thương về Dự thảo Quy chế; Thông nhất về việc thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc CTCP Bia Hà Nội - Nam Định; Thông nhất đánh giá mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ Người đại diện vốn, Kiểm soát viên của HABECO tại các công ty thành viên năm 2021.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Tóm tắt nội dung
12	12/NQ-HĐQT-HABECO	18/07/2022	Thống nhất về công tác cán bộ tại CTCP Rượu và Nước giải khát Hà Nội; Về nhân sự đảm nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị HABECO và Thư ký HABECO; Thống nhất về việc ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc; Thống nhất về việc cử nhân sự đại diện phần vốn của HABECO, giới thiệu tham gia HĐQT tại CTCP Bất động sản Lilama.
13	13/NQ-HĐQT-HABECO	25/07/2022	Thống nhất về công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị
14	14/NQ-HĐQT-HABECO	25/08/2022	Thống nhất về công tác cán bộ tại Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco; Thống nhất về việc tham gia mua lại tài sản mà Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO thanh lý; Thống nhất với ý kiến của Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; việc sửa đổi, bổ sung Quy chế mua sắm, hàng hóa dịch vụ của Công ty; Ý kiến chỉ đạo Người đại diện vốn tại các công ty con.
15	15/NQ-HĐQT-HABECO	29/8/2022	Thống nhất về công tác cán bộ tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO.
16	16/NQ-HĐQT-HABECO	16/09/2022	Phê duyệt định mức nắp keg nhôm cho sản phẩm Bia hơi Hà Nội loại keg 30 lít và keg 50 lít sản xuất tại Nhà máy Bia Hà Nội-Hoàng Hoa Thám; Thống nhất với Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021, Kế hoạch kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO; Thống nhất kết quả giám sát tài chính và ý kiến đề xuất của Văn phòng HĐQT tại Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát tài chính 06 tháng đầu năm 2022 đối với các công ty thành viên của Tổng công ty; Thống nhất nội dung Báo cáo của Văn phòng HĐQT về tổng hợp kết quả thực hiện các cuộc Kiểm toán nội bộ theo Kế hoạch năm 2022; Thống nhất nội dung Báo cáo của Tổng Giám đốc về các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và giá trị doanh nghiệp. Ý kiến chỉ đạo Người đại diện vốn của Tổng công ty tại công ty con và phần vốn góp vào đơn vị khác.
17	17/NQ-HĐQT-HABECO	11/10/2022	Thông qua báo cáo sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm và ước thực hiện kế hoạch năm 2022; Thống nhất về việc thay đổi nhân sự tham gia Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco; Thống nhất về việc sửa đổi, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Kỹ thuật Bia - Rượu - Nước giải khát và Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh; Thống nhất về công tác cán bộ tại CTCP Bia Hà Nội - Quảng Bình; Thống nhất về việc phê duyệt Đề án thực hiện chuyển đổi số tại Tổng công ty; Thống nhất kiện toàn nhân sự Tổ thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty con.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Tóm tắt nội dung
18	18/NQ-HĐQT-HABECO	01/11/2022	Thống nhất về việc thực hiện quy trình bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội; Thống nhất về quỹ thù lao thực hiện của Chủ tịch, Kiểm soát viên Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO năm 2021; Thống nhất về việc tăng cường đội ngũ nhân sự bán hàng tại công ty con.
19	19/NQ-HĐQT-HABECO	28/11/2022	Thống nhất về Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2022 của Công ty cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại; Thống nhất phê duyệt danh sách nhân sự quy hoạch cán bộ các chức danh: Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO giai đoạn 2023-2028.
20	20/NQ-HĐQT-HABECO	16/12/2022	Thống nhất về việc xem xét, thực hiện quy trình bổ nhiệm lại cán bộ hết nhiệm kỳ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc; Thống nhất về công tác cán bộ tại Công ty con; Thống nhất về việc ký kết Hợp đồng giữa Tổng công ty và các đơn vị có liên quan năm 2023; Thống nhất một số nội dung liên quan đến công tác thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội; Thống nhất về các vấn đề để biểu quyết thông qua Nghị quyết HĐQT năm 2022 tại Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong năm 2022, Bà Quản Lê Hà đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên độc lập theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty cũng như các quy chế, quy định nội bộ của Habeco. Cùng với các thành viên HĐQT khác, bà Quản Lê Hà đã có nhiều ý kiến đóng góp trong công tác quản trị HABECO.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ông Trần Đình Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Ngô Quế Lâm - Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Vũ Xuân Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Trần Thuận An - Thành viên Hội đồng quản trị



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày là thành viên BKS	Cổ phần sở hữu
1	Bà Chữ Thị Thu Trang	Trưởng BKS	28/06/2018	Đại diện sở hữu: 0 Sở hữu cá nhân: 0
2	Ông Trần Minh Tuấn	Kiểm soát viên	25/04/2019	Đại diện sở hữu: 0 Sở hữu cá nhân: 0
3	Bà Thiều Hồng Nhung	Kiểm soát viên	22/01/2020	Đại diện sở hữu: 0 Sở hữu cá nhân: 0

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đã tiến hành họp 03 lần với sự tham gia đầy đủ của các Kiểm soát viên. Nội dung:

- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2022.
- Thông qua dự thảo nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ.
- Thảo luận và thống nhất các nội dung chính góp ý tại các cuộc họp lớn.
- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.
- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật như nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, BHXH, BHYT với người lao động và các nghĩa vụ khác.
- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 theo quy định tại Quyết định số 1885/QĐ-BCT ngày 17/5/2016 của Bộ Công Thương.
- Tham gia các cuộc họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp cần thiết của Ban điều hành.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 được lập bởi Ban Tổng Giám đốc và đã được Công ty kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt thực hiện kiểm toán.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị HABECO (“HĐQT”) đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để trao đổi, phân tích, đi đến quyết định thống nhất trong các thành viên. Ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên HĐQT để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh. Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 07 phiên họp, ban hành 07 Nghị quyết tại các phiên họp trực tiếp và 13 Nghị quyết thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Các vấn đề lớn thuộc thẩm quyền của HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT HABECO.

Năm 2022, HABECO tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, từng bước sắp xếp điều chỉnh, để bắt đầu nhiệm một số cán bộ, lãnh đạo tại Công ty mẹ và một số Công ty thành viên.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát hoạt động trên cơ sở Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của HABECO, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, cũng như các quy chế, quy định trong hệ thống quy chế quản lý nội bộ HABECO để triển khai công tác giám sát.

Ban kiểm soát được HĐQT và Ban điều hành HABECO tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ, tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ và đột xuất của HĐQT, tham gia một số cuộc họp của Ban điều hành.

Ban kiểm soát giữ vững mối quan hệ chặt chẽ với các cổ đông, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của HABECO theo các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của các cổ đông.



KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2023, ngành Bia - Rượu - Nước giải khát trong đó có HABECO tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, lạm phát toàn cầu gia tăng, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao. Bên cạnh đó, tình hình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành bia ngày càng gay gắt, HABECO cần:

- Tiếp tục tập trung nâng cấp, cải tiến chất lượng và bao bì nhãn mác của sản phẩm, nghiên cứu thị trường để kịp thời ra mắt các sản phẩm phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của người tiêu dùng.
- Đề nghị phân tích, đánh giá hiệu quả về sản lượng, mặt hàng, doanh thu và lợi nhuận mang lại sau thời gian triển khai các chiến dịch quảng cáo và chương trình bán hàng, hướng đến việc giữ và phát triển thị phần.
- Tăng cường công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền, quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành. Tiếp tục rà soát, xác định các kế hoạch chi phí thực sự cần thiết cho sản xuất, kinh doanh, tiết giảm các chi phí chưa thực sự cần thiết, đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả.
- Tiếp tục đẩy mạnh tuyển dụng và đào tạo để củng cố nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý trong giai đoạn thị trường cạnh tranh gay gắt và chịu nhiều ảnh hưởng của môi trường kinh doanh nhiều biến động.
- Đề nghị Tổng công ty tiếp tục triển khai thực hiện thoái vốn tại các công ty đầu tư ngoài ngành theo chủ trương đã được Bộ Công Thương phê duyệt.
- Đối với các công ty thành viên có kết quả sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, có lỗ lũy kế, Ban kiểm soát đề nghị Tổng công ty thông qua Người đại diện vốn, kiểm soát viên tại đơn vị tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch chi phí, kiểm soát định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.
- Tiếp tục cùng đơn vị tư vấn xây dựng phương án thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của HABECO, cụ thể:

- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.
- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành HABECO, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Thẩm định báo cáo tài chính của HABECO.
- Ban kiểm soát sẽ thuê tư vấn độc lập hoặc phối hợp, điều động nhân sự kiểm toán nội bộ (khi cần thiết) để thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc theo chuyên đề khi có phát sinh.
- Tổ chức đào tạo nâng cao nghiệp vụ kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát của HABECO.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chuyên trách đã chi trong năm 2022: 1.883,52 triệu đồng.

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kiêm nhiệm đã chi trong năm 2022: 999,36 triệu đồng.

Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và các thành viên chủ chốt khác đã chi trong năm 2022: 5.008,80 triệu đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: Không có



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2022, HABECO đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty. Hàng năm, Tổng công ty đều chú trọng tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ chủ chốt trong đó có các nội dung liên quan tới quản trị công ty.

- Trong năm 2023: Đối với TVHĐQT, BKS, BTGD Tổng công ty dự kiến sẽ tổ chức 02 khóa học cập nhật các quy định mới, cách thức mới trong quản lý điều hành doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của HABECO gồm:

+ Chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho người đại diện phần vốn, thành viên ban kiểm soát: Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ doanh nghiệp, Quản trị tài chính doanh nghiệp.

+ Chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý dành cho cán bộ cấp cao (TV HĐQT, BKS, BTGD) về quản lý, điều hành doanh nghiệp.

- Tổng công ty đang sử dụng phần mềm quản trị nhân sự Histaff để quản trị tất cả các nghiệp vụ về nhân sự gồm các phân hệ: quản lý tổ chức, thông tin nhân sự, hồ sơ đảng viên, chấm công, tiền lương, thuế TNCN, đào tạo, tuyển dụng, BHXH cho người lao động. Hệ thống phân quyền chặt chẽ theo nhiều cấp, theo dõi và xử lý các phần hành liên quan một cách tự động và hiệu quả. Phần mềm luôn được bảo trì và nâng cấp thường xuyên phù hợp với điều kiện thực tế của Tổng công ty.





NGHỆ THUẬT
TẠO HƯƠNG THƠM KETTLE HOP

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG - PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH
VỀ QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU
TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG
TIÊU THỤ NƯỚC
VIỆC TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG
TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG - PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

HABECO đã đi đầu trong việc hạn chế sự phát thải khí nhà kính như: đổi mới sang sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường qua việc sử dụng lò hơi đốt bằng các nhiên liệu tái tạo (như mùn cưa, củi gỗ vụn ép, ...) để giảm thiểu tối đa việc phát sinh ra khí CO2 gây hiệu ứng nhà kính; sử dụng xe nâng hàng chạy điện thay cho dầu DO để giảm khí phát thải; đồng hành cùng các sự kiện “Giờ trái đất” đó là không chỉ dừng lại ở hành động tắt đèn và các thiết bị sử dụng điện trong 1 giờ, HABECO có nhiều hành động hưởng ứng chiến dịch, từ chủ trương, chính sách quản lý nội bộ đến tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên thực hành tiết kiệm điện, bảo vệ môi trường.

VỀ QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất các sản phẩm chính của 2 nhà máy Mê Linh và Hoàng Hoa Thám của HABECO đều tăng do tổng sản lượng thành phẩm sản xuất tăng khoảng 24% so với năm 2021, cụ thể như sau:

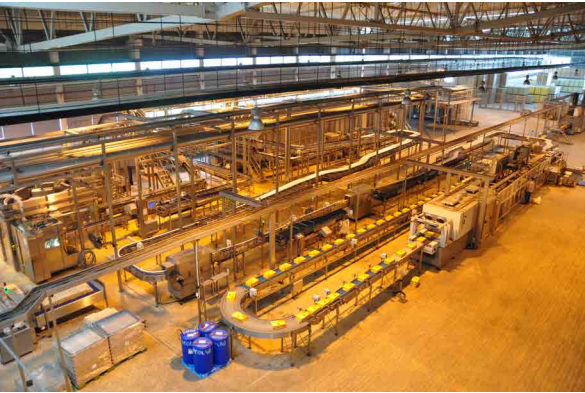
	Năm 2021	Năm 2022	Nhận xét
Malt (kg)	14.162.079	16.314.317	Tăng khoảng 15,2% so với năm 2021
Gạo (kg)	7.974.837	10.054.610	Tăng khoảng 26% so với năm 2021
Đường (kg)	1.188.200	2.103.300	Tăng khoảng 77% so với năm 2021
Hoa Hublon (kg)	21.434,13	24.293,85	Tăng khoảng 13,34% so với năm 2021

Tỉ lệ nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất từ sản phẩm chính, dịch vụ chính của HABECO năm 2022 là 22,36 % giảm 1,35% so với năm 2021.

TIÊU THỤ NƯỚC

Tổng lượng nước tiêu thụ năm 2022 của 2 nhà máy Mê Linh, Hoàng Hoa Thám là 904.199 m3 tăng hơn khoảng 10,6% so với năm 2021 (817.508) do tổng sản lượng thành phẩm sản xuất tăng khoảng 24% so với năm 2021.

Nước tái sử dụng lại nguồn nước nóng sinh ra trong quá trình sản xuất tuần hoàn nước tại hệ thống thanh trùng và nước ngưng trong quá trình sản được thu hồi từ keg, lên men, nấu thu về dùng lại cho lò hơi Syngas. Tổng tỷ lệ lượng nước được tái sử dụng trung bình khoảng là 4,14%.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tổng lượng tiêu thụ điện năng năm 2022 của 2 nhà máy Mê Linh, Hoàng Hoa Thám là 22.939.151 kW điện tăng hơn 9,53% so với năm 2021 (20.943.000 kW). Tổng lượng tiêu thụ hơi nước bão hòa (hơi nóng) năm 2022 của 2 nhà máy Mê Linh, Hoàng Hoa Thám là 60.838 tấn tăng hơn khoảng 20,11% so với năm 2021 (50.650 tấn).

CÁC SÁNG KIẾN, CẢI TIẾN VỀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Trong năm 2022, HABECO có nhiều sáng kiến, cải tiến về tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng hiệu quả đã được áp dụng và triển khai đạt hiệu quả tốt như:

- Thay mới các máy móc, thiết bị công nghệ cũ lạc hậu hoặc hoạt động không hiệu quả bằng các máy móc, thiết bị công nghệ mới, sửa chữa, nâng cấp, cải tiến các máy móc thiết bị hiện có nhằm mục đích tiết kiệm năng lượng (như thay bảo ôn cho các đường ống lạnh, hơi nóng không đảm bảo cách nhiệt, thu hồi nhiệt thải từ khói hoặc nước nóng sau khi làm lạnh, dùng động cơ điện hiệu suất cao đồng thời lắp đặt các bộ điều chỉnh điện, thay thế các bộ phận đã cũ gây tổn thất lớn về năng lượng);
- Sử dụng hầu như các thiết bị chiếu sáng mới (đèn LED) hiệu suất cao, tiết kiệm điện và tăng tỉ lệ chiếu sáng tự nhiên giảm chiếu sáng nhân tạo bằng đèn điện;
- Vận hành duy trì hệ thống thiết bị phù hợp theo giờ cao điểm thấp điểm, đảm bảo sử dụng năng lượng thấp nhất;
- Tăng thông gió tự nhiên để giảm điện năng tiêu thụ cho quạt và điều hoà không khí, tăng cách nhiệt của tường và mái để hạn chế truyền bức xạ nhiệt từ ngoài vào nhà
- Quy định chế độ kiểm tra, rà soát hao phí năng lượng hàng ngày và xử lý ngay các xì hở nếu có. Hợp lý hoá sản xuất, giảm tối đa thời gian máy chạy không tải, tắt thiết bị điện khi không có người làm việc.

Tất cả các hoạt động đều hướng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, giúp tăng năng suất, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận, góp phần bảo vệ môi trường và lợi ích cộng đồng.

VIỆC TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

HABECO luôn nghiêm túc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Các nhà máy đều đạt chứng nhận ISO 14001; Nước thải trong quá trình sản xuất được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải của bản thân Cty và được giám sát, truyền số liệu online lên Sở TNMT, nước sau xử lý đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn giấy phép;

Các chất thải nguy hại 100% được xử lý theo đúng quy định của pháp luật; Có đầy đủ các giấy phép về khai thác nước ngầm và xả nước thải vào nguồn nước; Lập và nộp các báo cáo về khai thác nước, xả nước thải và thu gom xử lý chất thải nguy hại đầy đủ và đúng thời gian. Trong năm 2022, HABECO không vi phạm pháp luật, không phát sinh sự cố về môi trường.



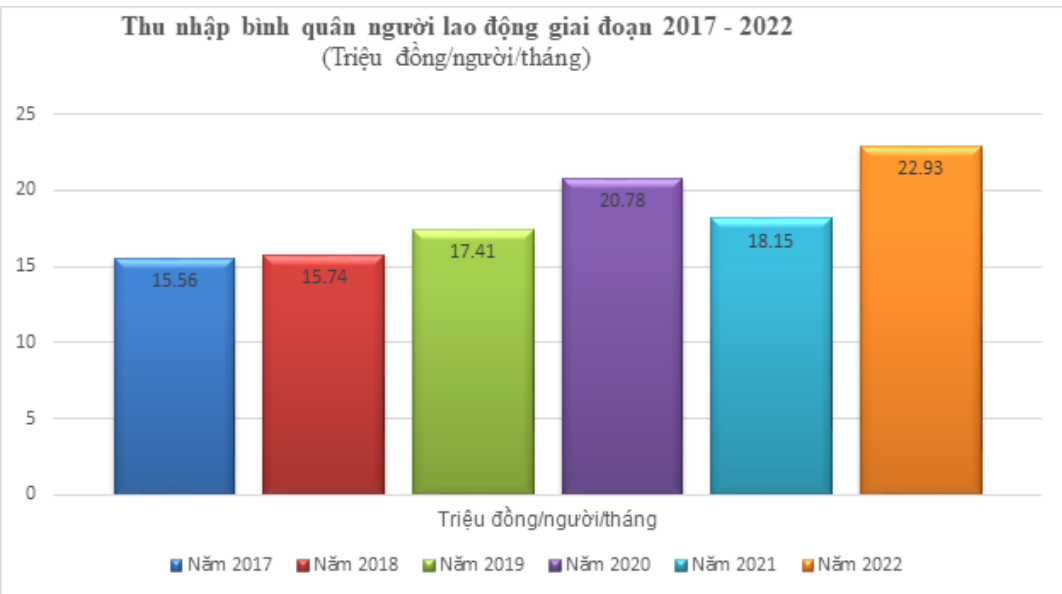
CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bí quyết tạo nên thương hiệu Bia Hà Nội nằm ở những giá trị truyền thống hàng trăm năm kết hợp với công nghệ hiện đại cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBCNV) tâm huyết, lành nghề. Chính vì vậy bên cạnh việc đầu tư đổi mới công nghệ, HABECO luôn quan tâm thực hiện các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động

Tổng số CBCNV của HABECO đến thời điểm 31/12/2022 là 515 người, lao động bình quân năm 2022 là 537 người. Thu nhập bình quân năm 2022 của cán bộ công nhân viên HABECO là: 22,93 triệu đồng/người/tháng, bằng 126,3% so với cùng kỳ và bằng 125,6% kế hoạch năm.

Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Tổng công ty



CHÍNH SÁCH ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, ngoài ra người lao động còn được Tổng công ty hỗ trợ tham gia bảo hiểm sức khỏe.

Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm; được hỗ trợ chi phí nghỉ mát; được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp, phụ nữ ...

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chính sách Nhà nước cho Người lao động trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19; tổ chức triển khai tiêm phòng vắc xin phòng covid-19 (đầy đủ 3 mũi) cho CBCNV của Tổng công ty và các công ty thành viên có địa bàn quanh khu vực Hà Nội, đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động và công tác sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm cho CBCNV cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó CBCNV được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ. Các khóa đào tạo được xây dựng phù hợp với các nhóm đối tượng học viên:

- Đối với công nhân: Đảm bảo triển khai tổ chức đầy đủ các khóa đào tạo an toàn theo luật định. Bên cạnh đó công nhân thường xuyên được đào tạo củng cố kiến thức, kỹ năng vận hành máy móc thiết bị tại từng vị trí công việc, cũng như được bố trí đào tạo chéo các máy móc thiết bị để đáp ứng nhu cầu luân chuyển lao động khi cần.
- Đối với đội ngũ kỹ sư, chuyên viên: Ngoài các khóa theo luật định, các kỹ sư, chuyên viên thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ; tập huấn, cập nhật các quy định chính sách như lao động, tiền lương, tài chính, kế toán, marketing, kỹ thuật công nghệ...
- Đối với cán bộ quản lý, ban lãnh đạo: Được tập trung đào tạo các khóa nâng cao năng lực quản lý, điều hành, xây dựng, định hướng chiến lược phát triển doanh nghiệp. Tổng Công ty thường xuyên mời các chuyên gia hàng đầu trong ngành về tọa đàm, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và phương pháp quản lý.

Bên cạnh đó, Tổng công ty còn triển khai tổ chức các khóa đào tạo hỗ trợ cho các công ty trong toàn hệ thống, từ các khóa đào tạo cho cán bộ quản lý, tới các khóa kỹ thuật, công nghệ sản xuất bia. Đồng thời các khóa tập huấn, hội thảo cập nhật quy định chính sách cho toàn hệ thống luôn được triển khai kịp thời nhằm đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật và nâng cao năng lực người lao động.

Năm 2022, Tổng công ty đã triển khai một số khóa đào tạo để nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng người lao động, bao gồm các khóa đào tạo theo luật định như các khóa An toàn vệ sinh lao động, các khóa đào tạo tiêu chuẩn ISO; cập nhật những quy định, chính sách về tài chính-kế toán, nhân sự...; các khóa đào tạo đáp ứng yêu cầu chuyên môn về kỹ thuật, quản lý thiết bị tại 02 nhà máy, các khóa đào tạo kỹ năng, hội thảo cảm quan. Đặc biệt, năm 2022 Tổng công ty và 02 Nhà máy trực thuộc đã đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ, giúp tiết kiệm chi phí đào tạo, tận dụng tối đa nguồn lực nội tại của HABECO.



KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NĂM 2022

- Tổng số khóa đã thực hiện: 33 khóa.
- Điểm đánh giá chất lượng tổng thể hoạt động đào tạo năm 2022 đạt 9,37 điểm.
- Tổng số 1.149 lượt người tham gia đào tạo.
- Tổng thời gian đầu tư cho hoạt động đào tạo là: 198 buổi, trong đó đào tạo nội bộ chiếm 61 buổi (30,81%), đào tạo kết hợp đơn vị bên ngoài chiếm 137 buổi (69,19%), thời gian đào tạo nhiều nhất dành cho khối chuyên môn nghiệp vụ với 98 buổi. Số khóa đào tạo công nhân với 13 khóa.



Nhìn chung, năm 2022 đã triển khai thực hiện được các khóa đào tạo bắt buộc theo luật định cũng như một số các nhu cầu đào tạo thiết yếu đặt ra từ đầu năm, kịp thời tổ chức các chương trình đào tạo cung cấp kiến thức, hiểu biết cho người lao động; chất lượng tổ chức các chương trình được cải thiện, đồng thời nâng cao được tính ứng dụng sau đào tạo của các khóa học.



TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, HABECO luôn đề cao vai trò, trách nhiệm thực hiện an sinh xã hội của mình đối với cộng đồng. Trong năm 2022, HABECO đã triển khai nhiều hoạt động, bao gồm:

- Duy trì phụng dưỡng 12 mẹ Việt Nam anh hùng, ủng hộ các Quỹ xã hội của Trung ương và địa phương cùng một số hoạt động từ thiện khác như Quỹ nhân đạo và Tết vì người nghèo, Quỹ phòng chống tội phạm TW, Quỹ bảo trợ trẻ em Hà Nội, hỗ trợ thương binh cơ quan Bộ Công Thương, ủng hộ chương trình “Gặp mặt người có công với cách mạng”... với tổng số tiền từ thiện xã hội năm 2022 là 1,28 tỷ đồng.
- Chung tay góp sức vào các hoạt động xã hội mang ý nghĩa nhân văn, thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, HABECO đã tổ chức thành công chương trình “Tiếp sức mùa thi” giúp đỡ, hỗ trợ cho các thí sinh và người nhà tại khu vực Hà Nội trong mùa thi tốt nghiệp THPT năm 2022; tham gia chương trình hiến máu dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Hà Nội tại Bệnh viện Huyết học truyền máu Trung ương; đồng hành cùng Chương trình Festival Thanh niên Đông Nam Á hướng tới chào mừng Đại hội thể thao Đông Nam Á, Sea Games 31...



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	6 – 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	11 – 12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	13 – 46



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát

Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 theo số 0101376672 ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm 2022 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Trần Thuận An	Thành viên
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên
Bà Quán Lê Hà	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thuận An	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 cho Tổng Công ty.


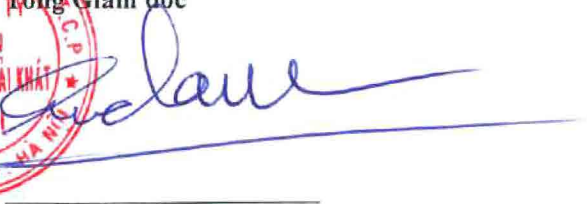
Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 46 và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.


Tổng Giám đốc


Ngô Quế Lâm
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Số: 135/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội và các công ty con tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)
Phó Giám đốc



Lê Hồng Đào
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2023-152-1
Tp.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Kiểm toán viên



Lê Thị Như Ngọc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4799-2019-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.843.308.708.749	4.341.875.502.440
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	511.914.329.623	723.095.200.598
1. Tiền	111		346.454.329.623	604.589.175.113
2. Các khoản tương đương tiền	112		165.460.000.000	118.506.025.485
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.972.442.500.000	2.443.209.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	2.972.442.500.000	2.443.209.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		433.553.647.897	378.139.968.035
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	289.958.068.129	284.683.571.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		70.732.611.922	53.892.949.013
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	97.961.116.226	63.313.142.396
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(25.098.148.380)	(23.749.694.834)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	724.445.062.089	552.768.030.357
1. Hàng tồn kho	141		743.897.035.970	568.778.272.944
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(19.451.973.881)	(16.010.242.587)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		200.953.169.140	244.663.303.450
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	26.846.840.083	20.177.855.992
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32.494.794.339	418.315.021
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	141.611.534.718	224.067.132.437
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.389.869.521.097	2.745.853.997.922
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		130.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	130.000.000	10.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
II. Tài sản cố định	220		1.840.314.963.853	2.184.929.414.302
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.756.914.601.738	2.088.148.331.640
- Nguyên giá	222		9.382.118.674.875	9.326.956.303.259
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.625.204.073.137)	(7.238.807.971.619)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	83.400.362.115	96.781.082.662
- Nguyên giá	228		157.452.929.752	156.566.053.352
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(74.052.567.637)	(59.784.970.690)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	4.237.907.336	5.062.712.696
- Nguyên giá	231		11.989.152.837	11.989.152.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.751.245.501)	(6.926.440.141)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	15.160.682.815	35.635.024.928
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		15.160.682.815	35.635.024.928
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	315.992.012.457	266.972.467.030
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		224.798.510.523	225.445.202.793
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.750.000.000	43.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.556.498.066)	(2.222.735.763)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		50.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		214.033.954.636	253.244.378.966
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	205.291.350.259	246.660.946.949
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	6.964.498.856	4.760.185.677
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.778.105.521	1.823.246.340
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.233.178.229.846	7.087.729.500.362

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.928.324.905.822	2.252.851.201.633
I. Nợ ngắn hạn	310		1.815.508.334.712	2.104.987.465.003
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	565.376.995.470	400.556.921.759
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		36.414.423.220	13.699.274.143
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	438.452.683.438	341.656.167.479
4. Phải trả người lao động	314		183.493.052.476	167.494.713.991
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	165.408.106.039	104.971.238.123
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	-	18.316.717
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	245.712.566.848	766.674.438.916
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	96.475.255.531	197.670.986.191
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.834.586.664	1.511.198.112
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		81.340.665.026	110.734.209.572
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		112.816.571.110	147.863.736.630
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	349.929.968	349.929.968
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	111.772.389.591	97.930.882.275
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	-	48.500.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		694.251.551	1.082.924.387
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.304.853.324.024	4.834.878.298.729
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.303.642.076.713	4.833.416.250.202
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	1.540.126.962.890	1.533.422.759.884
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19	12.030.898.113	13.362.898.113
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	762.685.321.006	327.420.522.607
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		323.501.474.970	26.412.621.850
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		439.183.846.036	301.007.900.757
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		670.798.894.704	641.210.069.598
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.211.247.311	1.462.048.527
1. Nguồn kinh phí			420.000.000	420.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			791.247.311	1.042.048.527
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.233.178.229.846	7.087.729.500.362

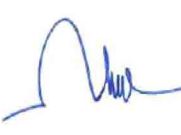
Người lập biểu



Lê Thu Trang

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2022

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	8.525.435.643.781	7.053.412.626.997
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	127.093.121.527	102.873.441.914
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	8.398.342.522.254	6.950.539.185.083
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	6.085.486.647.149	5.254.288.802.691
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.312.855.875.105	1.696.250.382.392
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	146.230.280.823	123.606.055.150
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	10.833.882.164	14.600.423.894
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.740.649.818	13.076.139.187
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		7.265.851.730	10.749.193.817
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.289.350.725.768	989.045.745.823
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	554.221.803.654	441.868.306.679
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		611.945.596.072	385.091.154.963
12. Thu nhập khác	31	VI.8	27.125.886.491	35.458.956.787
13. Chi phí khác	32	VI.9	6.673.706.224	8.981.495.881
14. Lợi nhuận khác	40		20.452.180.267	26.477.460.906
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		632.397.776.339	411.568.615.869
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	131.832.944.993	87.306.106.949
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.204.313.179)	89.689.035
18. Lợi nhuận sau thuế	60		502.769.144.525	324.172.819.885
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		462.849.458.226	304.452.246.616
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		39.919.686.299	19.720.573.269
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.895	1.299
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.895	1.299

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thu Trang

Phạm Thu Thủy

Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		632.397.776.339	411.568.615.869
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		442.731.753.886	464.542.037.254
- Các khoản dự phòng	03		6.447.335.695	(32.191.659.865)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(59.143.766)	25.861.373
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(149.459.189.128)	(128.845.289.622)
- Chi phí lãi vay	06		8.740.649.818	13.076.139.187
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		940.799.182.844	728.175.704.196
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(58.183.197.201)	27.738.254.627
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(175.073.622.207)	39.619.203.777
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		405.285.571.858	(29.436.271.704)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		34.700.612.599	57.549.699.495
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.919.139.815)	(13.714.734.154)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(46.772.792.952)	(30.648.151.709)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(53.641.399.793)	(55.389.073.395)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.038.195.215.333	723.894.631.133
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(78.246.876.700)	(82.913.884.955)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.821.091.886	1.922.185.274
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.530.256.495.890)	(3.340.197.731.507)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.951.022.995.890	3.295.599.731.507
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		110.672.212.186	137.940.584.840
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(540.987.072.628)	12.350.885.159

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022


Đơn vị tính: VND

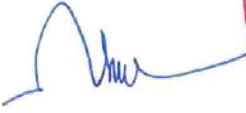
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		370.752.084.477	511.090.924.393
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(520.447.815.137)	(585.984.490.089)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(558.752.426.786)	(756.936.054.276)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(708.448.157.446)	(831.829.619.972)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(211.240.014.741)	(95.584.103.680)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		723.095.200.598	818.705.165.651
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		59.143.766	(25.861.373)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	511.914.329.623	723.095.200.598

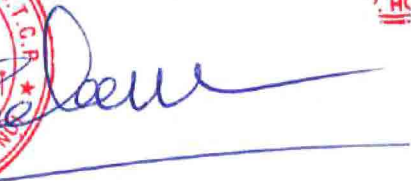
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Lê Thu Trang

Phạm Thu Thủy

Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2022

- I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP
1. Hình thức sở hữu vốn
- Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.
- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 theo số 0101376672 ngày 7 tháng 9 năm 2020.
- Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Số lượng nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 515 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 557 người).
2. Lĩnh vực kinh doanh
- Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.
3. Ngành nghề kinh doanh
- Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.
4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.
5. Cấu trúc doanh nghiệp
- Tổng số các Công ty con : 16
- Số lượng Công ty con được hợp nhất: 16
- Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Danh sách các công ty con được hợp nhất theo phương pháp giá gốc như sau:

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Kinh doanh bia rượu	50.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Sản xuất bia	40.000.000.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Sản xuất bia	91.792.900.000	65,01%	65,01%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Sản xuất bia	20.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Sản xuất bia	76.912.260.000	66,31%	66,31%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Sản xuất bia	114.245.700.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Sản xuất bia	58.000.000.000	62,05%	62,05%
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Sản xuất nắp chai	20.000.000.000	69,78%	69,78%
Công ty CP Rượu và Nước giải khát Hà Nội	Sản xuất rượu	200.000.000.000	54,29%	54,29%
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Kinh doanh bia rượu	31.230.000.000	60,00%	60,00%
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Sản xuất bia	15.000.000.000	52,64%	52,64%
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Sản xuất bia	200.000.000.000	96,10%	96,10%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Sản xuất bia	180.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Sản xuất bia	110.000.000.000	98,56%	98,56%
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Sản xuất bia	160.000.000.000	75,83%	80,75%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Sản xuất bia	100.000.000.000	53,89%	53,89%

Danh sách các công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Sản xuất bia	40.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Vận tải Habeco	Vận tải	25.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Thương mại, dịch vụ	300.000.000.000	45,00%	45,00%
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Thương mại, dịch vụ	63.384.000.000	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sành sứ	160.772.505.787	27,21%	27,21%
Công ty CP Bao bì Habeco	Sản xuất bao bì	35.000.000.000	44,22%	44,22%

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh tại Xã Tiên Phong, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội;
- Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám tại Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm Tổng công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất: Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại đơn vị được đầu tư.

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc trích lập dự phòng sẽ được căn cứ vào giá thị trường của chứng khoán đó.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc trích lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp của các bên tại đơn vị được đầu tư.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

d) Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh. Ảnh hưởng được xem là đáng kể khi tỷ lệ quyền biểu quyết trên 20% và dưới 50% tại đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó sẽ được điều chỉnh theo thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty tại công ty liên kết sau khi mua theo giá trị tài sản thuần. Lợi thế thương mại phát sinh từ đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong giá trị còn lại của khoản đầu tư, không được phân bổ hàng năm mà chỉ thực hiện đánh giá xem khoản lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

e) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	05 – 25
- Máy móc, thiết bị	03 – 15	03 – 15
- Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
- Dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08
- Tài sản cố định khác	03 – 05	03 – 05
- Thương hiệu	04	04
- Phần mềm máy tính	03 – 08	03 – 08

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua vào bao gồm giá mua và các chi phí liên quan khác.

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một Công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa, khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí chai, kết chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 47 đến 50 năm.

Giá trị chai, kết được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan. Chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 3 năm kể từ ngày chai, kết được đưa vào sử dụng.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá. Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hành hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	5.169.885.871	4.246.684.875
Tiền gửi ngân hàng	341.284.443.752	600.342.490.238
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc đến 3 tháng)	165.460.000.000	118.506.025.485
Cộng	511.914.329.623	723.095.200.598

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn	2.972.442.500.000	2.972.442.500.000	2.443.209.000.000	2.443.209.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng	2.972.442.500.000	2.972.442.500.000	2.443.209.000.000	2.443.209.000.000
- Dài hạn	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn gốc trên 12 tháng	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Cộng	3.022.442.500.000	3.022.442.500.000	2.443.209.000.000	2.443.209.000.000

b) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đối tượng	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	28,00%	13.976.537.119	28,00%	13.244.994.597
Công ty CP Vận tải Habeco	28,00%	7.313.108.618	28,00%	8.107.467.152
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	45,00%	17.931.998.784	45,00%	17.931.998.784
Công ty CP Harec Đầu tư và Thương mại	40,00%	51.569.563.254	40,00%	53.256.921.660
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	27,21%	115.076.705.292	27,21%	114.939.525.967
Công ty CP Bao bì Habeco	44,22%	18.930.597.456	44,22%	17.964.294.633
Cộng		224.798.510.523		225.445.202.793

(*) Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c) Đầu tư vào đơn vị khác

Đối tượng	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Đầu tư vào đơn vị khác		43.750.000.000		43.750.000.000
- Công ty CP Bất động sản Lilama	15,52%	16.250.000.000	15,52%	16.250.000.000
- Trường Đại Học Công Nghiệp Vinh	3,58%	5.000.000.000	3,58%	5.000.000.000
- Công ty CP Sành sứ Thủy tinh Việt Nam	6,00%	12.000.000.000	6,00%	12.000.000.000
- Công ty CP Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	12,50%	10.500.000.000	12,50%	10.500.000.000
Cộng		43.750.000.000		43.750.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		2.556.498.066		2.222.735.763
Giá trị thuần		41.193.501.934		41.527.264.237

(*) Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các đơn vị khác tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP TM Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 là 17,5%.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	289.958.068.129	284.683.571.460
Công ty TNHH Kinh doanh và Thương mại Dịch vụ Đại Thăng	7.844.024.706	5.266.891.152
Phải thu đối tượng khác	282.114.043.423	279.416.680.308
b) Dài hạn	-	-
Cộng	289.958.068.129	284.683.571.460
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.		

4. Phải thu khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	97.961.116.226	63.313.142.396
Phải thu tiền chi hộ tiền đền bù giải phóng mặt bằng nhà máy Nghi Sơn	1.159.348.481	1.159.348.481
Phải thu cược bao bì vỏ chai kết	337.900.000	295.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	62.239.350.821	28.859.380.974
Phải thu tiền ĐBGPMB Dự án Chi nhánh Tuyên Quang	3.394.704.000	3.394.704.000
Giá trị quyết toán dự án xây dựng cơ bản hoàn thành chờ xử lý	3.640.063.037	3.640.063.037
Phải thu khác	27.189.749.887	25.964.645.904
b) Dài hạn	130.000.000	10.000.000
Ký cược ký quỹ dài hạn	120.000.000	-
Phải thu khác	10.000.000	10.000.000
Cộng	98.091.116.226	63.323.142.396
c) Phải thu khác là các bên liên quan: Không có.		

3052
CỔ
ĐẠI
HỢP
TÁC
VĂN
HÓA
HÀ
NỘI
- TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	31/12/2022	01/01/2022
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Sữa Việt Mỹ	834.570.285	834.570.285
Công ty cổ phần Lilama Hà Nội	601.913.468	601.913.468
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Quang Anh	2.116.412.499	2.116.412.499
Công ty TNHH Trường Quang II	6.402.416.280	6.402.416.280
Hợp tác xã thương binh nặng 27/7	1.677.613.000	1.677.613.000
Công ty cổ phần xây dựng BYD Việt Nam	1.702.148.115	1.702.148.115
Các đối tượng phải thu khác	11.902.934.733	139.860.000
Cộng	25.238.008.380	139.860.000
	23.889.554.834	139.860.000

6. Hàng tồn kho

	31/12/2022	01/01/2022
	Giá gốc	Giá gốc
Hàng mua đang đi đường	262.042.155.684	1.497.474.839
Nguyên liệu, vật liệu	112.734.585.567	222.816.616.439
Công cụ, dụng cụ	93.725.585.604	130.012.290.520
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	63.142.530.633	85.816.017.807
Thành phẩm	212.252.178.482	71.469.029.457
Hàng hoá	-	57.166.843.882
Cộng	743.897.035.970	568.778.272.944

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Tài sản dở dang dài hạn
Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.160.682.815	35.635.024.928
- Chi phí phần mềm ERP	8.624.709.391	5.369.130.500
- Nhà làm việc khối kỹ thuật tại Mê Linh	-	19.998.648.554
- Trung tâm giới thiệu sản phẩm tại Phú Thọ	-	381.235.454
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	6.535.973.424	9.886.010.420
Cộng	15.160.682.815	35.635.024.928



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Đơn vị tính: VND						
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình						
Số dư đầu năm	1.893.350.447.243	7.052.134.837.535	219.879.612.551	154.615.690.633	6.975.715.297	9.326.956.303.259
Số tăng trong năm	49.573.587.128	34.922.804.132	7.592.311.538	3.715.272.960	4.035.123.752	99.839.099.510
- Mua sắm mới	74.344.444	16.931.861.263	7.592.311.538	3.715.272.960	195.980.000	28.509.770.205
- Xây dựng mới hoàn thành	49.499.242.684	17.990.942.869	-	-	3.839.143.752	71.329.329.305
Số giảm trong năm	14.821.495.564	17.280.747.405	11.180.011.467	1.296.441.158	98.032.300	44.676.727.894
- Thanh lý nhượng bán	14.746.495.564	16.998.547.405	10.973.693.285	1.117.393.539	98.032.300	43.934.162.093
- Giảm khác	75.000.000	282.200.000	206.318.182	179.047.619	-	742.565.801
Số dư cuối năm	1.928.102.538.807	7.069.776.894.262	216.291.912.622	157.034.522.435	10.912.806.749	9.382.118.674.875
Giá trị đã hao mòn						
Số dư đầu năm	1.190.190.675.377	5.750.593.996.897	176.119.758.234	115.426.315.778	6.477.225.333	7.238.807.971.619
Khấu hao trong năm	74.336.842.185	326.532.350.667	12.509.118.187	13.171.129.794	831.279.982	427.380.720.815
Giảm trong năm	12.476.295.009	16.489.699.731	10.592.158.943	1.328.433.314	98.032.300	40.984.619.297
- Thanh lý nhượng bán	12.401.295.009	16.489.699.731	10.592.158.943	1.207.431.737	98.032.300	40.788.617.720
- Giảm khác	75.000.000	-	-	121.001.577	-	196.001.577
Số dư cuối năm	1.252.051.222.553	6.060.636.647.833	178.036.717.478	127.269.012.258	7.210.473.015	7.625.204.073.137
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình						
Tại ngày đầu năm	703.159.771.866	1.301.540.840.638	43.759.854.317	39.189.374.855	498.489.964	2.088.148.331.640
Tại ngày cuối năm	676.051.316.254	1.009.140.246.429	38.255.195.144	29.765.510.177	3.702.333.734	1.756.914.601.738

* Ghi chú:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.822.055.715.727 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 252.292.137.046 đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác
Nguyên giá tài sản cố định vô hình		
Số dư đầu năm	106.940.207.595	1.130.171.867
Số tăng trong năm	1.534.180.000	-
Số giảm trong năm	647.303.600	-
Số dư cuối năm	107.827.083.995	1.130.171.867
Giá trị đã hao mòn		
Số dư đầu năm	57.972.732.937	1.079.620.997
Khấu hao trong năm	14.839.774.829	50.550.870
Giảm trong năm	647.303.600	-
Số dư cuối năm	72.165.204.166	1.130.171.867
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình		
Tại ngày đầu năm	48.967.474.658	50.550.870
Tại ngày cuối năm	35.661.879.829	-

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 43.535.848.273 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

30



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	11.989.152.837	-	-	11.989.152.837
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	11.989.152.837	-	-	11.989.152.837
Giá trị hao mòn lũy kế	6.926.440.141	824.805.360	-	7.751.245.501
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	6.926.440.141	824.805.360	-	7.751.245.501
Giá trị còn lại	5.062.712.696	-	-	4.237.907.336
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	5.062.712.696	-	-	4.237.907.336
(*) Ghi chú: Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty.				

11. Thuế thu nhập hoãn lại	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và hợp nhất	6.964.498.856	4.760.185.677
Cộng	6.964.498.856	4.760.185.677
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và hợp nhất	3.349.931.445	4.839.442.111
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(3.349.931.445)	(4.839.442.111)
Cộng	-	-

12. Chi phí trả trước	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	26.846.840.083	20.177.855.992
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ sử dụng	10.756.091.952	7.364.481.090
Chi phí vật dụng quảng cáo chờ kết chuyển	636.904.461	2.102.686.254
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	15.453.843.670	10.710.688.648
b) Dài hạn	205.291.350.259	246.660.946.949
Chi phí thuê đất trả trước	72.501.173.079	75.025.202.454
Công cụ chai kết, bao bì luân chuyển	32.113.052.094	52.428.743.511
Chi phí giải phòng mặt bằng	10.999.328.679	11.354.591.235
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	67.061.231.348	75.249.639.444
Chi phí sửa chữa tài sản	20.598.271.292	23.770.008.555
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.018.293.767	8.832.761.750
Cộng	232.138.190.342	266.838.802.941

31

3052
CÓ
RÁCH N
DỊCH
AI CHỈ
VÀ KI
NA
1-17

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2022					01/01/2022					Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Đơn vị tính: VND				
			Tăng									
a) Vay ngắn hạn	96.475.255.531	96.475.255.531	419.252.084.477	520.447.815.137	197.670.986.191	197.670.986.191	197.670.986.191					
Vay ngắn hạn	47.975.255.531	47.975.255.531	370.752.084.477	481.447.815.137	158.670.986.191	158.670.986.191	158.670.986.191					
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	7.883.058.917	17.075.501.155	9.192.442.238	9.192.442.238	9.192.442.238					
Ngân hàng Nông nghiệp PTNT (a1)	16.000.000.000	16.000.000.000	68.078.831.725	55.838.215.668	3.759.383.943	3.759.383.943	3.759.383.943					
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (a2)	31.975.255.531	31.975.255.531	110.757.893.880	142.715.870.467	63.933.232.118	63.933.232.118	63.933.232.118					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	30.428.047.716	39.958.022.120	9.529.974.404	9.529.974.404	9.529.974.404					
Ngân hàng Quân Đội	-	-	11.130.722.263	61.114.728.960	49.984.006.697	49.984.006.697	49.984.006.697					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	142.473.529.976	164.745.476.767	22.271.946.791	22.271.946.791	22.271.946.791					
Vay dài hạn đến hạn trả	48.500.000.000	48.500.000.000	48.500.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000					
b) Vay dài hạn	-	-	-	48.500.000.000	48.500.000.000	48.500.000.000	48.500.000.000					
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (b1)	-	-	-	48.500.000.000	48.500.000.000	48.500.000.000	48.500.000.000					
Cộng	96.475.255.531	96.475.255.531	419.252.084.477	568.947.815.137	246.170.986.191	246.170.986.191	246.170.986.191					

- (a1) Vay ngắn hạn Nông nghiệp PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 1500-LAV-202203896 ngày 20/12/2022. Hạn mức cấp tín dụng 16.000.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa 06 tháng trên từng giấy nhận nợ, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: tín chấp.
- (a2) Vay ngắn hạn Ngân hàng Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 3085005.22 ngày 18/11/2022. Hạn mức 30.000.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa 6 tháng. Lãi suất theo quy định ngân hàng tùy thuộc vào từng thời điểm nhận nợ. Mục đích vay là để đáp ứng nhu cầu về bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản được kê chi tiết kèm theo hợp đồng vay. Số dư nợ vay tại 31/12/2022 là 24.289.714.153 đồng.

100% CÔNG ĐỒNG CHỦ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Quốc tế Việt Nam - CN Ba Đình Hà Nội: Khoản vay ngắn hạn được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi được trả hàng tháng theo thông báo của các Ngân hàng. Mục đích vay nhằm Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay đến 31/12/2022 là: 9.900.000.000 đồng. Số dư nợ vay tại 31/12/2022 là 7.685.541.378 đồng.
- (b1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam theo Hợp đồng số 1103/HĐTD/2016 ngày 11/03/2016. Hạn mức 270.000.000.000 VND. Thời hạn vay 96 tháng. Lãi suất theo quy định ngân hàng tùy thuộc vào từng thời điểm nhận nợ. Mục đích vay là để tài trợ cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để xây dựng Nhà máy Bia Công suất 50 triệu lít/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản được kê chi tiết kèm theo hợp đồng vay. Số dư nợ vay tại 31/12/2022 là 48.500.000.000 đồng, trong đó số được phân loại đến hạn trả là 48.500.000.000 đồng.

14. Phải trả người bán	31/12/2022					01/01/2022					Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Đơn vị tính: VND				
			Tăng									
a) Ngắn hạn	565.376.995.470	565.376.995.470	17.179.747.776	17.179.747.776	400.556.921.759	400.556.921.759	400.556.921.759					
Công ty liên doanh TNHH Crown Hà Nội	17.179.747.776	17.179.747.776	4.848.862.408	4.848.862.408	22.349.642.238	22.349.642.238	22.349.642.238					
Công ty TNHH ĐTTM DV Vận tải Hồng Phát	38.968.119.906	38.968.119.906	28.845.940.190	28.845.940.190	4.134.775.547	4.134.775.547	4.134.775.547					
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	21.030.189.076	21.030.189.076	5.078.170.255	5.078.170.255	12.052.267.675	12.052.267.675	12.052.267.675					
Công ty cổ phần HANACANS	449.425.965.859	449.425.965.859	349.929.968	349.929.968	26.454.100.747	26.454.100.747	26.454.100.747					
Công ty TNHH AsiaPackaging Industries (Việt Nam)	83.095.329	83.095.329	73.365.600	73.365.600	18.801.102.269	18.801.102.269	18.801.102.269					
Công ty CP Vận tải Habeco	73.365.600	73.365.600	52.140.000	52.140.000	6.536.796.591	6.536.796.591	6.536.796.591					
Phải trả cho các đối tượng khác	52.140.000	52.140.000	42.250.000	42.250.000	310.228.236.692	310.228.236.692	310.228.236.692					
b) Dài hạn	349.929.968	349.929.968	83.095.329	83.095.329	349.929.968	349.929.968	349.929.968					
Công ty TNHH SX và TM Phú Bình	73.365.600	73.365.600	52.140.000	52.140.000	83.095.329	83.095.329	83.095.329					
Công ty TNHH TM và Kỹ thuật Hải Âu	42.250.000	42.250.000	99.079.039	99.079.039	73.365.600	73.365.600	73.365.600					
Công ty TNHH TM và Sản xuất Việt Tùng Lương Văn Thắng	99.079.039	99.079.039	565.726.925.438	565.726.925.438	52.140.000	52.140.000	52.140.000					
Phải trả đối tượng khác	565.726.925.438	565.726.925.438	42.250.000	42.250.000	42.250.000	42.250.000	42.250.000					
Cộng	565.726.925.438	565.726.925.438	349.929.968	349.929.968	400.556.921.759	400.556.921.759	400.556.921.759					

100% CÔNG ĐỒNG CHỦ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.
d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2022	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Đơn vị tính: VND	31/12/2022
a) Phải nộp	341.656.167.479	4.115.778.731.901	4.018.982.215.942	438.452.683.438	
Thuế giá trị gia tăng	29.360.823.312	605.367.868.295	593.984.611.232	40.744.080.375	
Thuế GTGT tăng hàng nhập khẩu	-	16.217.351	16.217.351	-	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	302.262.797.930	3.446.201.892.031	3.360.873.011.612	387.591.678.349	
Thuế xuất nhập khẩu	-	151.776.236	151.776.236	-	
Thuế thu nhập cá nhân	3.204.083.068	21.871.959.805	21.683.189.745	3.392.853.128	
Thuế tài nguyên	135.049.576	2.196.552.487	2.197.407.677	134.194.386	
Thuế đất, tiền thuê đất	1.652.262.822	38.476.846.450	37.683.048.576	2.446.060.696	
Thuế khác	5.041.150.771	1.495.619.246	2.392.953.513	4.143.816.504	
b) Phải thu	224.067.132.437	155.871.678.226	73.416.080.507	141.611.534.718	
Thuế giá trị gia tăng	211.302.261	4.157.247.352	5.014.929.900	1.068.984.809	
Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	-	19.850.000.000	20.271.757.668	421.757.668	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	223.324.073.449	131.832.944.993	46.772.792.952	138.263.921.408	
Thuế thu nhập cá nhân	491.121.968	-	930.150.728	1.421.272.696	
Thuế tài nguyên	-	-	1.268.070	1.268.070	
Thuế đất, thuế đất	31.485.881	31.485.881	425.181.189	425.181.189	
Thuế khác	9.148.878	-	-	9.148.878	



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	165.408.106.039	104.971.238.123
Chi phí bán hàng	141.709.629.267	98.585.711.088
Chi phí lãi vay	165.730.518	383.376.635
Chi phí xây dựng cơ bản	9.026.442.460	630.963.592
Chi phí phải trả khác	14.506.303.794	5.371.186.808
b) Dài hạn	-	-
Cộng	165.408.106.039	104.971.238.123

17. Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	245.712.566.848	766.674.438.916
Kinh phí công đoàn	997.066.724	1.100.445.133
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	38.639.100	19.370.600
Các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn	134.492.199.528	106.497.269.504
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	67.604.984.963	619.026.330.308
Các khoản phải trả phải nộp khác	42.579.676.533	40.031.023.371
b) Dài hạn	111.772.389.591	97.930.882.275
Nhận ký quỹ ký cược	104.422.595.526	90.581.088.210
Lãi vay phải trả	6.025.345.020	6.025.345.020
Phải trả khác	1.324.449.045	1.324.449.045
Cộng	357.484.956.439	864.605.321.191

- c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.
d) Phải trả khác là các bên liên quan: Không phát sinh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)
Số dư đầu năm trước	2.318.000.000.000	1.225.117.556.135	4.106.716.713	1.548.411.853.162
Lãi trong năm trước				304.452.246.616
Trích lập quỹ từ lợi nhuận các năm trước		308.530.144.289	10.007.681.400	(318.537.825.689)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận các năm trước				(86.448.047.973)
Tạm trích quỹ Khen thưởng phúc lợi				(3.444.345.859)
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước				(1.207.678.000.000)
Hoàn trả quỹ ĐTPT tại công ty con		(224.940.540)		
Tăng khác				90.664.642.350
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(751.500.000)	
Số dư cuối năm trước	2.318.000.000.000	1.533.422.759.884	13.362.898.113	327.420.522.607
Số dư đầu năm nay	2.318.000.000.000	1.533.422.759.884	13.362.898.113	327.420.522.607
Lãi trong năm nay				462.849.458.226
Trích lập quỹ ĐTPT từ lợi nhuận các năm trước		6.704.203.006	-	(6.704.203.006)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận các năm trước				(6.673.281.959)
Tạm trích quỹ Khen thưởng phúc lợi				(23.665.612.190)
Tăng khác (*)				9.458.437.328
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(1.332.000.000)	
Số dư cuối năm nay	2.318.000.000.000	1.540.126.962.890	12.030.898.113	762.685.321.006

(*) Ghi chú: Tăng khác là số lợi nhuận tăng thêm của Tổng Công ty tại Công ty CP Rượu và Nước giải khát Hà Nội do thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm tương ứng khi tăng thêm thu thuế Tiêu thụ đặc biệt từ năm 2009 đến 2015 tại Công ty CP Rượu và Nước giải khát Hà Nội thực hiện theo Quyết định số 40323/QĐ-CTHN-TTKT3 của Cục thuế TP Hà Nội về xử lý về thuế theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ
TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022 VND	%	01/01/2022 VND	%
Vốn góp của nhà nước	1.895.924.000.000	81,79	1.895.924.000.000	81,79
Vốn góp của Carlsberg Breweries A/S	401.982.000.000	17,34	401.982.000.000	17,34
Vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam	3.814.000.000	0,16	3.814.000.000	0,16
Vốn góp của các cổ đông khác	16.280.000.000	0,70	16.280.000.000	0,70
Cộng	2.318.000.000.000	100	2.318.000.000.000	100

c) Vốn góp của chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	231.800.000	231.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại		
- USD	92.272,67	301.875,72
- EUR	488,69	2.055,33
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.088.282.433	2.088.282.433

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ
TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	8.392.218.902.660	6.914.002.812.236
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	133.216.741.121	139.409.814.761
Cộng	8.525.435.643.781	7.053.412.626.997

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	126.825.895.500	102.837.283.599
Hàng bán bị trả lại	267.226.027	36.158.315
Cộng	127.093.121.527	102.873.441.914

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa thành phẩm	8.265.125.781.133	6.811.129.370.322
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	133.216.741.121	139.409.814.761
Cộng	8.398.342.522.254	6.950.539.185.083

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	6.085.486.647.149	5.254.288.802.691
Cộng	6.085.486.647.149	5.254.288.802.691

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi tiền cho vay	143.422.182.033	121.006.445.387
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.172.881.563	1.512.487.653
Cổ tức lợi nhuận được chia	630.000.000	1.050.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.217.227	37.122.110
Cộng	146.230.280.823	123.606.055.150

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	8.740.649.818	13.076.139.187
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	333.762.303	364.274.290
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.759.470.043	1.160.010.417
Cộng	10.833.882.164	14.600.423.894

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Chi phí bán hàng	1.289.350.725.768	989.045.745.823
Chi phí nhân viên	139.889.054.504	127.735.965.356
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	95.605.658.713	115.905.359.158
Chi phí bốc xếp vận chuyển hàng bán	121.657.789.837	106.354.530.483
Chi phí quảng cáo, khuyến mại, hỗ trợ	700.016.027.347	390.776.143.785
Chi phí khác	232.182.195.367	248.273.747.041
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	554.221.803.654	441.868.306.679
Chi phí nhân viên	223.335.938.494	186.270.264.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.077.148.447	45.459.074.364
Chi phí tiền thuê đất	38.166.207.112	37.664.042.430
Chi phí mua ngoài và chi phí khác	242.642.509.601	172.474.925.667

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Không có.

8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý tài sản, CCDC	6.028.972.226	3.812.012.755
Thu nhập bán bã bia	11.584.453.400	14.160.229.360
Thu phạt bồi thường	501.833.797	1.767.168.402
Thu hồi vỏ chai, vỏ keg	905.795.611	2.976.831.480
Thu nhập khác	8.104.831.457	12.742.714.790
Cộng	27.125.886.491	35.458.956.787

9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	667.759.578	1.229.473.799
Chi phí vỏ chai	801.222.374	2.963.269.725
Chi phí khác	5.204.724.272	4.788.752.357
Cộng	6.673.706.224	8.981.495.881

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Tổng Công ty là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	632.397.776.339	411.568.615.869
Tổng thu nhập chịu thuế	657.184.961.965	439.004.804.023
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	131.436.992.393	87.056.076.657
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành các năm trước	395.952.600	250.030.292
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	131.832.944.993	87.306.106.949

11. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	462.849.458.226	304.452.246.616
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(23.665.612.190)	(3.444.345.859)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	23.665.612.190	3.444.345.859
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác (*)	23.665.612.190	3.444.345.859
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	439.183.846.036	301.007.900.757
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	231.800.000	231.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.895	1.299
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.895	1.299

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác ghi giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông năm nay được tạm trích tại Tổng công ty và các Công ty con. Số liệu chính thức sẽ được điều chỉnh sau khi thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.643.720.893.567	2.199.564.853.018
Chi phí nhân công	598.619.558.328	524.849.331.249
Chi phí khấu hao tài sản cố định	442.731.753.886	464.542.037.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	988.447.795.231	812.371.066.354
Chi phí khác bằng tiền	689.540.816.029	429.637.259.430
Cộng	5.363.060.817.041	4.430.964.547.305

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các khoản lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng đã chi trong năm như sau:

Họ tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch	1.155.840.000	868.350.000
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên	162.240.000	91.480.000
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên	162.240.000	91.480.000
Ông Trần Thuận An	Thành viên	162.240.000	91.480.000
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên	162.240.000	91.480.000
Bà Quàn Lê Hà	Thành viên	162.240.000	91.480.000
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	727.680.000	547.100.000
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên	94.080.000	63.960.000
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên	94.080.000	63.960.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác			
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc	1.042.080.000	781.450.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt khác		3.966.720.000	2.977.700.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong năm 2022, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Công ty liên kết Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	57.120.000
		Bán vật tư, hàng hóa	847.224.630	875.901.480
		Bán quyền nhãn hiệu	4.140.501.287	3.241.176.000
		Hỗ trợ nhãn hiệu	-	10.805.583
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Công ty liên kết	Chi phí khác	30.000.000	30.000.000
		Cho thuê mặt bằng	950.400.000	950.400.000
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên kết	Cước vận chuyển, bốc xếp	23.811.767.488	28.041.967.245
		Bán phế liệu	313.387.920	497.431.960
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết	Mua vỏ chai	2.536.128.000	1.511.287.200
		Mua vật tư bao bì	85.431.367.050	82.957.751.700
		Điện, nước và khác	137.146.715	131.495.740
		Bán hàng hóa	-	82.582.200

Cho đến cuối năm, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả) 31/12/2022	Đơn vị tính: VND 01/01/2022
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	57.787.556	309.499.292
		Mua hàng hóa	(2.736.018.240)	-
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Kim Bài Công ty Cổ phần Vận tải HABECO Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết Công ty liên kết Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	716.394.456	1.290.771.400
		Cước vận tải	(4.914.627.198)	(6.536.796.591)
		Bán vật tư, hàng hóa	37.408.266	41.983.641
		Mua hàng hóa	(14.184.307.468)	(16.699.519.347)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Tổng Công ty.

Khu vực địa lý

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Tài sản tài chính	511.914.329.623	-	723.095.200.598	-
	3.022.442.500.000	-	2.443.209.000.000	-
	289.958.068.129	13.616.288.975	284.683.571.460	11.842.936.770
	70.732.611.922	3.285.497.979	53.892.949.013	3.710.396.638
	268.548.510.523	2.556.498.066	269.195.202.793	2.222.735.763
	98.091.116.226	8.196.361.426	63.323.142.396	8.196.361.426
	4.261.687.136.423	27.654.646.446	3.837.399.066.260	25.972.430.597
	Cộng			



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị số sách	
	31/12/2022	01/01/2022
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	565.726.925.438	400.906.851.727
Vay và nợ	96.475.255.531	246.170.986.191
Chi phí phải trả	165.408.106.039	104.971.238.123
Các khoản phải trả khác	1.018.679.702.237	1.388.966.674.916
Cộng	1.846.289.989.245	2.141.015.750.957

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty có thể chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh số V.8 và V.13) và tại thời điểm 31/12/2022 Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tổng Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Tổng Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Tổng Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị tính: VND		Cộng
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	
Số cuối năm	1.734.167.669.686	112.122.319.559	1.846.289.989.245
Phải trả người bán	565.376.995.470	349.929.968	565.726.925.438
Vay và nợ thuê tài chính	96.475.255.531	-	96.475.255.531
Chi phí phải trả	165.408.106.039	-	165.408.106.039
Các khoản phải trả khác	906.907.312.646	111.772.389.591	1.018.679.702.237
Số đầu năm	1.994.234.938.714	146.780.812.243	2.141.015.750.957
Phải trả người bán	400.556.921.759	349.929.968	400.906.851.727
Vay và nợ thuê tài chính	197.670.986.191	48.500.000.000	246.170.986.191
Chi phí phải trả	104.971.238.123	-	104.971.238.123
Các khoản phải trả khác	1.291.035.792.641	97.930.882.275	1.388.966.674.916

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Tổng Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Tổng Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được HABECO công bố trên trang thông tin điện tử tại đường dẫn: <http://www.habeco.com.vn/>.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Số liệu so sánh
- Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).
9. Thông tin về hoạt động liên tục
- Trong năm 2022, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

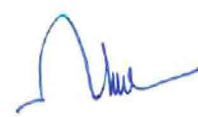
Người lập biểu



Lê Thu Trang

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023


Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy



Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HABECO

Chủ tịch Hội đồng quản trị



TRẦN ĐÌNH THANH



Est. 1890

HABECO

Sức bật Việt Nam